



Báo cáo

Đánh giá rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng

Xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

MỤC LỤC

A.	Giới thiệu chung	4
1.	Vị trí địa lý	4
2.	Đặc điểm địa hình.....	Error! Bookmark not defined.
3.	Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4.	Xu hướng thiên tai, khí hậu	5
5.	Phân bố dân cư, dân số	5
6.	Hiện trạng sử dụng đất đai.....	5
7.	Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	6
B.	Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	7
1.	Lịch sử thiên tai	7
2.	Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	9
3.	Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	11
4.	Đối tượng dễ bị tổn thương	12
5.	Hạ tầng công cộng	12
a)	Điện	12
b)	Đường và cầu cống	13
c)	Trường	16
d)	Cơ sở Y tế	17
e)	Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	17
f)	Chợ	18
6.	Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)	18
7.	Nhà ở	18
8.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	19
9.	Hiện trạng dịch bệnh phổ biến.....	19
10.	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	20
11.	Hoạt động sản xuất kinh doanh	20
12.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	25
13.	Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH	26
14.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	27
15.	Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	27
C.	Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	28
1.	Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....	28
2.	Hạ tầng công cộng	33
3.	Công trình thủy lợi	35
4.	Nhà ở	36
5.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	39
6.	Y tế và quản lý dịch bệnh	41
7.	Giáo dục	43
8.	Rừng	45

9.	Trồng trọt.....	46
10.	Chăn nuôi	49
11.	Thủy Sản.....	52
12.	Du lịch.....	54
13.	Buôn bán và dịch vụ khác.....	55
14.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	57
15.	Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH	58
16.	Giới trong PCTT và BĐKH.....	61
17.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	64
D.	Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	64
1.	Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	64
2.	Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	66
3.	Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	Error! Bookmark not defined.
4.	Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	70
E.	Phụ lục	72
1.	Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	72
2.	Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	72
3.	Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	81

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần cùng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Xã Võ Ninh là xã đồng bằng thuộc huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình có vị trí địa lý thuận lợi, địa hình bằng phẳng, nằm sát sông Nhật Lệ. Xã là nơi giao thương kinh tế - văn hoá - xã hội của 8 xã, thị trấn phía Bắc huyện Quảng Ninh, vị trí giao thông thuận lợi với tuyến đường Quốc lộ 1A đi qua. Nằm trong vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi, diện tích đất tự nhiên rộng, môi trường - khí hậu - nguồn nước trong sạch, rất phù hợp để xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản.

Là địa phương nằm về phía Nam thành phố Đồng Hới, phía Bắc giáp sông Sông Nhật Lệ hệ thống đê kè xây dựng đã lâu nên đã xuống cấp không đảm bảo che chắn khi có thiên tai xảy ra. Với điều kiện tự nhiên như vậy cộng thêm địa hình thấp trũng nên hàng năm thôn Trúc Ly, thôn Trung phải chịu nhiều hậu quả nặng nề do thiên tai gây ra. Thiệt hại về thiên tai đã làm ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân và tốc độ phát triển kinh tế của địa phương.

2. Đặc điểm địa hình

Với địa hình thấp, phía Tây Nam có sông Trúc Ly nối liền với sông Nhật Lệ nằm ở Tây Bắc trong mùa mưa lũ thường gây ngập lụt lớn trên diện rộng. Ngược lại vào mùa khô, nước sông xuống thấp, dòng chảy trong các kiệt rất nhỏ, do nước các con sông này bị nhiễm mặn, phèn nên ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp, gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế và đời sống dân sinh của người dân địa phương.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

ST T	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của tỉnh Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	24,5°C		Tăng 1,5°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39°C	5-7	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20°C	11-12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	1500-2000 mm	10-11	Tăng thêm khoảng 20-40 mm/đợt

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của tỉnh Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	Tăng
3	Xu hướng lũ			X	Tăng
4	Số ngày rét đậm		X		Tăng
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn				Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	2,64% diện tích – 21,151,68ha
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)			X	Tăng

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Hữu Hậu	81	15	338	163	175	2	3
2	Thượng	272	103	1150	598	552	14	9
3	Tiền	200	44	809	401	408	9	12
4	Trung	286	54	1111	594	517	14	17
5	Tây	300	15	1204	697	507	16	12
6	Hà Thiệp	538	102	2075	1014	1061	27	28
7	Trúc Ly	770	163	3096	1637	1459	42	66
Tổng số		2447	496	9685	5104	4579	124	147

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	2.170,75
1	Nhóm đất Nông nghiệp	1.520,46

1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	346,56
1.1.1	Đất lúa nước	189,75
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	319,86
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	130,11
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	26,70
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	1.102,44
1.2.1	Đất rừng sản xuất	364,59
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	737,85
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	69,59
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	1,87
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	436,48
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	213,81
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	45
	- Đất ở	45

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	9	1171	0,36(ha)	60%
2	Chăn nuôi	14	96,2		85%
3	Nuôi trồng thủy sản	65	201	0,4(ha)	14%
4	Đánh bắt hải sản	3,4	178	2,7(tấn)	37%
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	1	340	44(triệu)	50%

				VND/năm)	
6	Buôn bán	3,9	340	147(triệu VND/năm)	80%
7	Du lịch	0	0	(triệu VND/năm)	0
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	3,7	676	60(triệu VND/năm)	15%

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính		Số lượng	
						Nam	Nữ
10/2013	Bão	7 thôn trên toàn xã	Hữu Hậu, Thượng, Tiên, Trung, Tây, Hà Thiệp, Trúc Ly	1. Số người chết/mất tích:			
				2. Số người bị thương:	4		1
				3. Số nhà bị thiệt hại:	2.000		
				4. Số trường học bị thiệt hại:	4		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	1		
				6. Số km đường bị thiệt hại:	15		
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:			
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:			
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:			
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	50		
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	3		
				12. Các thiệt hại khác....: - Gia súc, gia cầm	10.500		
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	~4,5 tỷ đồng		
	Bão	7 thôn trên toàn xã	Hữu Hậu, Thượng, Tiên, Trung, Tây, Hà Thiệp, Trúc Ly	1. Số người chết/mất tích:			
				2. Số người bị thương:	1		
				3. Số nhà bị thiệt hại:	90		
				4. Số trường học bị thiệt hại:	1		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:			

9/2017				6. Số km đường bị thiệt hại:	1,3	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	47	
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:		
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	4,5	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	2	
				12. Các thiệt hại khác...: - Gia súc, gia cầm	350	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	~2,0 tỷ đồng	
10/2016	Lũ	6 thôn trên toàn xã Hiền Lộc, Tả Phan, Hiền Vinh, Phú Vinh, Trung Quán, Phú Ninh	Hữu Hậu, Thượng, Tiền, Trung, Tây, Hà Thiệp, Trúc Ly	1. Số người chết/mất tích:	Nam 1	Nữ
				2. Số người bị thương:	3	
				3. Số nhà bị thiệt hại:	1.752	
				4. Số trường học bị thiệt hại:	4	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	1	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	3	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	33 ha	
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	100	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	5	
				12. Các thiệt hại khác...: - Gia súc, gia cầm	12.000	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	~5,0 tỷ đồng	
2016	Hạn hán	7 thôn trên toàn xã	Hữu Hậu, Thượng, Tiền, Trung, Tây, Hà Thiệp, Trúc Ly	1. Số người chết/mất tích:	Nam	Nữ
				2. Số người bị thương:		
				3. Số nhà bị thiệt hại:		
				4. Số trường học bị thiệt hại:		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:		
				6. Số km đường bị thiệt hại:		

				7. Số ha rừng bị thiệt hại:		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	118,9	
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:		
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				12. Các thiệt hại khác...: - Gia súc, gia cầm		
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	700	
11/2015-01/2016	Rét đậm, rét hại	7 thôn trên toàn xã	Hữu Hậu, Thượng, Tiền, Trung, Tây, Hà Thiệp, Trúc Ly	1. Số người chết/mất tích:	Nam	Nữ
				2. Số người bị thương:		
				3. Số nhà bị thiệt hại:		
				4. Số trường học bị thiệt hại:		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:		
				6. Số km đường bị thiệt hại:		
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	15	
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	13	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				12. Các thiệt hại khác...: - Gia súc, gia cầm	200	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	15	
	Các loại thiên tai khác			<i>Thống kê tương tự 13 chỉ số trên</i>		
Ghi chú khác						
Hướng dẫn điền						

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BDKH

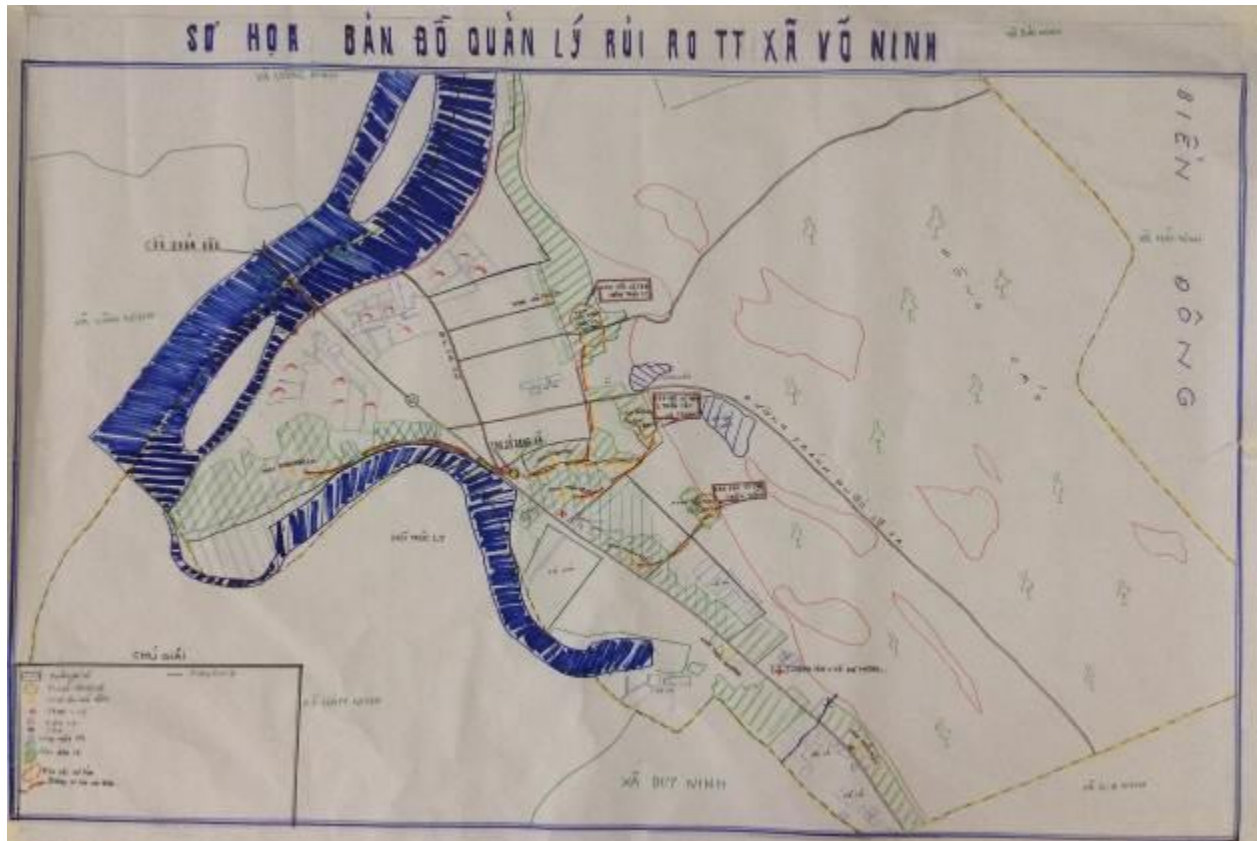
STT	Loại Thiên tai/BDKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BDKH 8.5 vào	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung)
-----	---	--	---------------------------------------	---	--

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

		thiên tai	Bình/Thấp)	năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Bình/Thấp)
1	<i>Bão</i>	Thôn Hữu Hậu	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Thượng	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Tiền	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Trung	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Tây	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Hà Thiệp	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Trúc Ly	Cao	Tăng	Cao
2	<i>Lũ lụt</i>	Thôn Hữu Hậu	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn Thượng	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn Tiền	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn Trung	Cao	Tăng	Tăng
		Thôn Tây	Cao	Tăng	Tăng
		Thôn Hà Thiệp	Cao	Tăng	Tăng
		Thôn Trúc Ly	Cao	Tăng	Tăng
3	<i>Hạn Hán</i>	Thôn Hữu Hậu	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Thượng	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Tiền	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Trung	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Tây	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Hà Thiệp	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Trúc Ly	Cao	Tăng	Cao
4	<i>Ngập lụt do nước dâng do bão</i>	Thôn Hữu Hậu	Trung bình	Giảm	Trung bình
		Thôn Thượng	Trung bình	Giảm	Trung bình
		Thôn Tiền	Trung bình	Trung bình	Trung bình
		Thôn Trung	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Tây	Cao	Tăng	Cao

	Thôn Hà Thiệp	Cao	Tăng	Cao
	Thôn Trúc Ly	Cao	Tăng	Cao

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH





4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Hữu Hậu	8	15	31	56	02	20	33	1	4	3	3	2	5		
2	Thượng	45	95	152	270	05	138	264	17	31	1	3	13	27		
3	Tiền	33	66	72	15		78	13	12	18	1	3	14	19		
4	Trung	40	98	110	187	7	94	169	6	16	3	4	25	45		
5	Tây	25	74	96	130		70	81	4	7	2	6	16	16		
6	Hà Thiệp	81	176	191	388	16	196	333	26	55	8	13	31	57		
7	Trúc Ly	173	309	453	847	16	150	275	27	51	8	17	25	31		

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Cột điện	Hữu Hậu	2011	Cột	36	
	Dây điện			Km	2,060	

	Trạm điện			Trạm		
2	Cột điện	Thượng	2011	Cột	103	
	Dây điện			Km	5	
	Trạm điện			Trạm	1	
3	Cột điện	Tiền	2011	Cột	78	
	Dây điện			Km	3,795	
	Trạm điện			Trạm		
4	Cột điện	Trung	1993	Cột	73	
	Dây điện			Km	4	0,5
	Trạm điện			Trạm	1	
5	Cột điện	Tây	2011	Cột	86	
	Dây điện			Km	6	
	Trạm điện			Trạm	2	
6	Cột điện	Hà Thiệp	2011	Cột	189	9
	Dây điện			Km	7,026	0,320
	Trạm điện			Trạm	2	
	Cột điện	Trúc Ly	2011	Cột	216	216
	Dây điện			Km	8	
	Trạm điện			Trạm	2	
<i>Ghi chú khác</i>						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
1	Đường	Hữu Hậu					
	Đường quốc lộ			Km			
	Đường tỉnh/huyện			Km			
	Đường xã			Km			
	Đường thôn		2014	Km		0,86	

	Đường nội đồng		2016	km			0,3
	Cầu, Cống				Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông			cái			
	Cống giao thông			cái			
2	Đường	Thượng			Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường quốc lộ			Km			
	Đường tỉnh/huyện			Km			
	Đường xã		2012	Km		4	
	Đường thôn		2001	Km			
	Đường nội đồng			km			
	Cầu, Cống					Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát
	Cầu giao thông			cái			
	Cống giao thông			cái			
3	Đường	Tiền			Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường quốc lộ			Km			
	Đường tỉnh/huyện			Km			
	Đường xã		2013-2016	Km			
	Đường thôn		2002-2012	Km		3,337	
	Đường nội đồng		2015-2018	km		0,43	2,010
	Cầu, Cống				Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông			cái			
	Cống giao thông			cái			
4	Đường	Trung			Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường quốc lộ			Km			

	Đường tỉnh/huyện		Km			
	Đường xã		Km		0,625	0,325
	Đường thôn	2001	Km		3,12	0,16
	Đường nội đồng	2013-2015	km			6,6
	Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông		cái			
	Cống giao thông	2003	cái			
5	Đường			Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường quốc lộ		Km			
	Đường tỉnh/huyện		Km			
	Đường xã		Km			
	Đường thôn	2015	Km		15	
	Đường nội đồng		km		25	
	Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông		cái			
	Cống giao thông	2016	cái	8	5	7
6	Đường			Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường quốc lộ		Km			
	Đường tỉnh/huyện	2014-2017	Km	4,1	2,85	
	Đường xã		Km			
	Đường thôn	2003-2017	Km		9,88	0,85
	Đường nội đồng	2015	km			8,5
	Cầu, Cống			Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
	Cầu giao thông	2014	cái	3		
	Cống giao thông	2014-2017	cái	24		

Đường				Nhựa	Bê Tông	Đất
Đường quốc lộ			Km			
Đường tỉnh/huyện	Trúc Ly		Km			
Đường xã		2013	Km		2,0	
Đường thôn		2007-2009	Km		6,0	0,8
Đường nội đồng		2014	km			5,0
Cầu, Cống				Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
Cầu giao thông			cái			
Cống giao thông			cái			
Ghi chú khác						
Hướng dẫn điền						

Trường

TT	Trường	Thôn ²	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Trường Mầm non Trung Tâm	Tây	2013	16	16		
	Trường Mầm Non thôn Tiền	Tiền	2010	5		5	
	Trường Mầm Non Hà Thiệp	Hà Thiệp	2011	3		3	
	Trường Mầm Non Trúc Ly	Trúc Ly	2010	5	5		
	Trường Tiểu Học số 1	Thôn Trung	2012	14	14		
	Trường Tiểu Học số 2	Hà Thiệp, Trúc Ly	2011	13	13		
	Trường THCS	Thôn Trung	2013	21	21		
Ghi chú khác							

²Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

	<i>Hướng dẫn điền</i>
--	-----------------------

c) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện ³							
	Trạm y tế	Thôn Trung	2008	3	9	9		
	Cơ sở khám							
<i>Ghi chú khác</i>								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

d) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Trụ Sở UBND	Tây	1995	Phòng	25		
	Nhà văn hóa xã				1		
	Nhà văn hóa thôn	Thôn Hữu Hậu	2000	Cái		1	Xuống cấp
		Thôn Thượng	2013	Cái		1	
		Thôn Tiền	2000	Cái		1	Xuống cấp
		Thôn Trung	2005	Cái		1	Xuống cấp
		Thôn Tây	1999	Cái		1	Xuống cấp
		Thôn Hà Thiệp	2018	Cái		2	1 Xuống cấp, 1 đang thi công
		Thôn Trúc Ly	201....	Cái		1	Xuống cấp
<i>Ghi chú khác</i>							

³Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê

	<i>Hướng dẫn điền</i>
--	-----------------------

e) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Chợ huyện/xã	Trung	2004	Cái		1	
	Chợ tạm/chợ cóc	Trúc Ly	2014	Cái			1
<i>Ghi chú khác</i>							
<i>Hướng dẫn điền</i>							

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
	Đê	km				2,5
	Kè	Km		1,9	0,18	0,65
	Kênh mương	Km		9,86	7,75	3,6
	Cống thủy lợi	Cái		30	17	44
	Đập thủy lợi	Cái				
	Trạm bơm	Cái		3	3	
<i>Ghi chú khác</i>						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Hữu Hậu	81	36	34	4	0
2	Thượng	272	89	157	17	
3	Tiền	200	53	137	10	0
4	Trung	286	130	108	48	
5	Tây	300	35	150	90	5

6	Hà Thiệp	538	158	332	43	3
7	Trúc Ly	770	250	310	90	0
	Tổng số	2447	751	1228	302	8
<i>Ghi chú khác</i>						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Hữu Hậu	81	81					74	7	
2	Thượng	272	263				111	229	43	
3	Tiền	200	200					200		
4	Trung	286	286				150	282	4	
5	Tây	300	293	7	1		300	288	12	
6	Hà Thiệp	538	6	398		134		512	20	6
7	Trúc Ly	770	270		500			700	50	20
	Tổng số	2447	1399	405	501	134	561	2285	136	26
<i>Ghi chú khác</i>										
<i>Hướng dẫn điền</i>										

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
	Sốt rét/ mắt đỏ	0	0	0	0	0
	Sốt xuất huyết/ siêu vi	0	0	0	0	0

	Viêm đường hô hấp	375	0	0	0	0
	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	450	0	0	0
Ghi chú khác						
Hướng dẫn điền						

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn ven sông		Trúc Ly	2,5		Cây Bần		2,5
			Hà Thiệp	1,5		Cây Bần		1,5
	Rừng trên cát Rừng tự nhiên		Hữu Hậu, Trung,	222	67%	Cây tự nhiên, phi lao		74,6
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng							
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng							
	Rừng khác		Tiền, Trúc Ly	10	100%	Cây tràm. Bạch đàn		10
	Tổng			236				88,6

Ghi chú khác: Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

Hướng dẫn điền

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số lượng	Tỷ lệ nữ %	Đặc điểm sản xuất kinh doanh
----	-------------------------------	-------------	------	----------	------------	------------------------------

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	Hữu Hậu	4,5 4 1	40 60 50	Lúa	40
	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con		466 200	80 80		70
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè	- Ha - Ha - Cái		10	50		60
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/kh ách sạn Điểm/tru ng tâm		2	90		
	Buôn bán và dịch vụ khác			5	90		30
TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	Thượng	23,2 8 2	70 30 30	Lúa	50
	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con		400 1.100	80 80		80
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu					

	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè	- Ha - Ha - Cái		11,5	50		60
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm		9	90		30
	Buôn bán và dịch vụ khác			30	90		30
TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha		23,7 6,1 0,3	50 90	Lúa	50
	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con		475 850	70 70		70
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè	- Ha - Ha - Cái	Tiền	10	50		70
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm		01	80		30
	Buôn bán và dịch vụ khác			12	90		30
TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)

	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm		4	80		30	
	Buôn bán và dịch vụ khác			18	90		30	
TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh		
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)	
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	Hà Thiệp	68 14 9 6,5	55 65 60 55	Lúa	50	
	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con		186 15000	80 80		70	
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu		4	50		40	
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lòng bè	- Ha - Ha - Cái		25,4	70		70	
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm			25	90		30
	Buôn bán và dịch vụ khác				60	90		30
TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh		
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)	
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm	Ha	Trúc Ly	106 12 7	70 80	Cây lúa	40%	

	- Cây ăn quả			2			
	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con		356 5000	80 80		70%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu		350	50	Đánh bắt thủy sản	40
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè	- Ha - Ha - Cái		57 47	50 50		70%
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm		9	80		30
	Buôn bán và dịch vụ khác			209	90	Làm trầm, hương	40

Ghi chú khác

Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

Hướng dẫn điền

(*) Mục tiềm năng phát triển: ghi rõ đánh giá của cộng đồng/xã xem đây có phải là ngành kinh tế chủ lực và xu hướng đầu tư phát triển của người dân và xã đối với ngành/lĩnh vực này trong 10-20 năm tới.

(**) Mục này điền số % - dựa trên kết quả nhận định chung về mức độ thiệt hại do thiên tai thường xuyên xảy ra với lĩnh vực này

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	88	Toàn xã
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	80	Toàn xã
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	4	
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100%	Toàn xã
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	

6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	0	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	1750	
Ghi chú khác				
Hướng dẫn điền <i>Phần nhận xét cần thêm: loại thông tin dự báo TT và BĐKH nào? Được chuyển tải đến người dân bằng những kênh thông tin nào? Thông tin có dễ hiểu và dễ làm theo cho các đối tượng DBTT không? (PN, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật...)</i>				

13. Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	0	
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4	Trường Mầm non; Trường TH số 1, số 2; Trường THCS
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	2	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	35	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	7	
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	7	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	15	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	15 hậu Cần	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BĐKH dựa vào cộng đồng	Người	2	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người		
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	2	
	- Áo phao	Chiếc	50	
	- Loa	Chiếc	6	

	- Đèn pin	Chiếc	1000	
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	2	
	- Lều bạt	Chiếc	15	
	- Xe vận tải	Chiếc	25	7/7 thôn
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị		
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1	
10	Khác....			
<i>Ghi chú khác</i>				
<i>Hướng dẫn điền</i>				

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Lĩnh vực/ ngành nghề khác	Thôn	Đơn vị tính	Số lượng	Số người tham gia	Tỷ lệ nữ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Sở sở chế tác trâm	Trúc Ly	Cơ sở	5	20	10%	Cơ sở tư nhân
Cơ sở chế tác trâm cùng sản xuất hương	Trúc Ly	Cơ sở	19	84	10%	Cơ sở tư nhân

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBDKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn Hữu Hậu	Thôn Thượng	Thôn Tiền	Thôn Trung	Thôn Tây	Thôn Hà Thiệp	Thôn Trúc Ly	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao 80 % dân có kiến thức	Cao 75% dân có kiến thức	TB 70% dân có kiến thức	Cao 80% dân có kiến thức	TB 60% dân có kiến thức	Cao 90% dân có kiến thức	TB 70% dân có kiến thức	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình								

	công cộng								
	- Điện	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	T. Bình	T. Bình	Cao
	- Đường và cầu cống	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trường			Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trạm			Cao					
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Chợ				Cao				
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	95% công trình	95% công trình	95% công trình	95% công trình	95% công trình	95% công trình	95% công trình	95%
4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	95% hộ dân	95% hộ dân	95% hộ dân	95% hộ dân	95% hộ dân	95% hộ dân	95% hộ dân	95%
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB	TB
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao		Cao

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Hữu Hậu	81	- Có 10 hộ, 25 người ở trong vùng thường ngập lụt.	- Thôn ở vùng cát cao, phần lớn diện tích không bị ngập lụt - Có 1 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 7 người (2 nữ) và có đội cứu	Nguy cơ thiệt hại về người	Thấp

				hộ thôn 3 người, 1 loa cầm tay		
Thượng	272	<ul style="list-style-type: none"> - Có 242 hộ, 959 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 610 đối tượng dễ bị tổn thương - 103 phụ nữ làm chủ hộ - 50 hộ, 200 người ở vùng ngập sâu - 60% người không biết bơi (phụ nữ 85%) - 85% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 20% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 5% người dân còn chủ quan chưa dự trữ lương thực 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 24 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Có 7 hộ có ghe thuyền - Thôn có Ban PCTT thôn 11 người (2 nữ) và có đội cứu hộ thôn 12 người (nữ 2), Có 1 thuyền máy, 15 áo phao, 1 loa cầm tay - 40% người dân biết bơi - 15% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi - 75% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 95% người dân thực hiện tốt dự trữ lương thực 	Nguy cơ thiệt hại về người	Trung bình	
Tiền	200	<ul style="list-style-type: none"> - Có 164 hộ, 698 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 385 đối tượng dễ bị tổn thương - 44 phụ nữ làm chủ hộ - 164 hộ, 698 người ở vùng ngập sâu - 60% người không biết bơi (phụ nữ 85%) - 85% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 20% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 30 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - có 40 hộ có ghe thuyền - Thôn có Ban PCTT thôn 16 người (3 nữ) và có đội cứu hộ thôn 5 người, Có 1 thuyền máy, 15 áo phao, 1 loa cầm tay - 40% người dân biết bơi - 15% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 100% người dân thực hiện tốt dự trữ lương thực 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao	
Trung	286	<ul style="list-style-type: none"> - Có 245 hộ, 931 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 526 đối tượng dễ bị tổn thương - 54 phụ nữ làm chủ hộ - 245 hộ, 931 người ở vùng ngập sâu - 35% người không biết bơi (nữ 60%) - 90% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 20% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 67 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 17 người (4 nữ) và có đội cứu hộ thôn 15 người, Có 1 thuyền máy, 1 thuyền chèo, 4 áo phao. 1 loa cầm tay - 65% người dân biết bơi - 10% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi - 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao	

			<p>tán</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% người dân thực hiện tốt dự trữ lương thực 		
Tây	300	<ul style="list-style-type: none"> - Có 150 hộ, 650 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 314 đối tượng dễ bị tổn thương - 15 phụ nữ làm chủ hộ - 150 hộ, 650 người ở vùng ngập sâu - 18 hộ, 32 người có nhà ở ven sông - 70% người không biết bơi (nữ 90%) - 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 40% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 35 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 15 người (2 nữ) và có đội cứu hộ thôn 5 người. Có 1 thuyền máy, 5 áo phao, 1 loa cầm tay - 30% người dân biết bơi - 5% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi - 60% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 100% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 100% người dân thực hiện tốt dự trữ lương thực 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao
Hà Thiệp	538	<ul style="list-style-type: none"> - Có 62 hộ, 285 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 130 đối tượng dễ bị tổn thương - 13 phụ nữ làm chủ hộ - 25 hộ, 112 người ở vùng ngập sâu - 2 hộ, 5 người có nhà ở ven sông - 55% người không biết bơi (nữ 65%) - 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 10% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 10% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 50 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Có 4 hộ gia đình có ghe thuyền - Thôn có Ban PCTT thôn 13 người (3 nữ) và có đội cứu hộ thôn 7 người, Có 1 thuyền máy, 4 thuyền chèo, 15 áo phao, 1 loa cầm tay - 45% người dân biết bơi - 5% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi - 90% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 90% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 100% người dân thực hiện tốt dự trữ lương thực 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao
Trúc Ly	770	<ul style="list-style-type: none"> - Có 770 hộ, 3096 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: - Có 1.546 đối tượng dễ bị tổn thương - 163 phụ nữ làm chủ hộ - 505 hộ, 2.230 người ở vùng ngập sâu - 145 hộ, 585 người có nhà ở ven sông 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 60 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - 350 hộ có ghe, thuyền - Thôn có Ban PCTT thôn 23 người (11 nữ) và có đội cứu hộ thôn 15 người (3 nữ), Có 1 thuyền máy, 30 áo phao, 1 loa cầm tay 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao

			<ul style="list-style-type: none"> - 60% người không biết bơi (nữ 75%) - 95% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 30% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 10% người dân còn chủ quan chưa dự trữ lương thực 	<ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân biết bơi - 5% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt - 70% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 90% người dân thực hiện tốt dự trữ lương thực 		
Bão	Hữu Hậu	81	<ul style="list-style-type: none"> - Có 81 hộ, 331 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 118 đối tượng dễ bị tổn thương - 15 phụ nữ làm chủ hộ - 1094 người ở trong 258 nhà không an toàn trong bão - 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 10% hộ chưa có chủ động chằng chống nhà cửa - 20% người dân chưa chịu sơ tán khi có lãnhj sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 36 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 7 người (2 nữ) và có đội cứu hộ thôn 3 người. 1 loa cầm tay - 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão lụt - 90% hộ chủ động chằng chống nhà cửa - 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao
	Thượng	272	<ul style="list-style-type: none"> - Có 272 hộ, 1.150 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 118 đối tượng dễ bị tổn thương - 103 phụ nữ làm chủ hộ - 730 người ở trong 174 nhà không an toàn trong bão - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 20% hộ chưa có chủ động chằng chống nhà cửa - 20% người dân chưa chịu sơ tán khi có lãnhj sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 89 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 11 người (2 nữ) và có đội cứu hộ thôn 12 người(2 nữ). 1 thuyền máy, 15 áo phao, 1 loa cầm tay - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão lụt - 80% hộ chủ động chằng chống nhà cửa - 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao
	Tiền	200	<ul style="list-style-type: none"> - Có 200 hộ, 809 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 385 đối tượng dễ bị tổn thương - 44 phụ nữ làm chủ hộ - 595 người ở trong 147 nhà không an toàn trong bão - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 20% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 10% hộ chưa có chủ động chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 53 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 16 người (3 nữ) và có đội cứu hộ thôn 5 người, Có 1 thuyền máy, 15 áo phao, 1 loa cầm tay - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão lụt - 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 90% hộ chủ động chằng chống nhà cửa 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao

Trung	286	<ul style="list-style-type: none"> - Có 286 hộ, 1.111 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Có 526 đối tượng dễ bị tổn thương - 54 phụ nữ làm chủ hộ - 606 người ở trong 156 nhà không an toàn trong bão - 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 20% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 20% hộ chưa có chủ động chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 130 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 17 người (4 nữ) và có đội cứu hộ thôn 15 người, Có 1 thuyền máy, 1 thuyền chèo, 4 áo phao. 1 loa cầm tay - 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão lụt - 80% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 80% hộ chủ động chằng chống nhà cửa 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao
Tây	300	<ul style="list-style-type: none"> - Có 300 hộ, 1.209 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Có 314 đối tượng dễ bị tổn thương - 15 phụ nữ làm chủ hộ - 987 người ở trong 245 nhà không an toàn trong bão - 40% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 10% hộ chưa có chủ động chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 35 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 15 người (2 nữ) và có đội cứu hộ thôn 5 người. Có 1 thuyền máy, 5 áo phao, 1 loa cầm tay - 60% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão lụt - 100% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 90% hộ chủ động chằng chống nhà cửa 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao
Hà Thiệp	538	<ul style="list-style-type: none"> - Có 538 hộ, 2.075 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Có 130 đối tượng dễ bị tổn thương - 13 phụ nữ làm chủ hộ - 1.457 người ở trong 378 ngôi nhà không an toàn trong bão - 10% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 10% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 10% hộ chưa có chủ động chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 158 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 13 người (3 nữ) và có đội cứu hộ thôn 7 người, Có 1 thuyền máy, 4 thuyền chèo, 15 áo phao, 1 loa cầm tay - 90% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão lụt - 90% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 90% hộ chủ động chằng chống nhà cửa 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao
Trúc Ly	770	<ul style="list-style-type: none"> - Có 770 hộ, 3096 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Có 1.546 đối tượng dễ bị tổn thương - 163 phụ nữ làm chủ hộ - 1.610 người ở trong 400 ngôi nhà không an toàn trong bão - 30% người dân chưa có kiến 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 250 nhà kiên cố trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 23 người (11 nữ) và có đội cứu hộ thôn 15 người (3 nữ), Có 1 thuyền máy, 30 áo phao, 1 loa cầm tay - 70% người dân có kiến 	Nguy cơ thiệt hại về người	Cao

		thức về phòng, chống thiên tai - 30% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 10% hộ chưa có chủ động chằng chống nhà cửa	thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó bão lụt - 70% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 90% hộ chủ động chằng chống nhà cửa		
<p>Hướng dẫn điền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B4), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'BDKH (B13) - Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>bảo vệ sinh mạng của dân</u> mà cộng đồng đã có <u>đối với loại hình thiên tai cụ thể</u> - Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro với <u>dân cư và cộng đồng</u> của từng loại hình thiên tai tại từng thôn - Cột 7: Điền mức độ rủi ro <u>đối với dân cư</u> Cao, Trung bình hoặc Thấp dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) 					

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Hữu Hậu	81	- 0,3 km đường nội đồng là đường đất - 15 cống tạm, 54 cống chưa kiên cố	- 0,86 km đường nội thôn đã bê tông hóa	- Hư hỏng đường giao thông nội thôn - Hư hỏng đường nội đồng	Thấp Cao
	Thượng	272				
	Tiền	200	- 2,01km đường nội đồng là đường đất	- 3,3 km đường nội thôn đã bê tông hóa	- Hư hỏng đường giao thông nội thôn - Hư hỏng đường nội đồng	Thấp Cao
	Trung	286	- Có 0,325km đường xã, 0,420 km đường thôn là đường đất - 4,6 km đường nội đồng là đường đất - 5 cống chưa kiên cố	- 3,570 km đường nội thôn, 0,625 km đường xã đã bê tông hóa - 3 cống giao thông kiên cố	- Hư hỏng đường giao thông xã, thôn - Hư hỏng đường nội đồng - Cống hư	Cao Cao Cao
	Tây	300	- 7 cống tạm, 5 cống chưa kiên cố	- Đường nội thôn đã bê tông hóa - 8 cống giao thông kiên cố	- Hư hỏng đường nội thôn - Cống hư	Thấp Cao
	Hà Thiệp	538	- Có 0,850km đường nội thôn là đường đất - 8,5 km đường nội đồng	- 2,,850km đường tỉnh huyện đã được bê tông hóa,	- Hư hỏng đường tỉnh/ huyện - Hư hỏng đường	Thấp Cao

			là đường đất	- 4,100km đường tỉnh, huyện đã nhựa hóa - 9,88km đường nội thôn đã bê tông hóa - 3 cầu, 24 công giao thông kiên cố	nội thôn - Hư hỏng đường nội đồng - Cầu, công hư	Cao Thấp
	Trúc Ly	770	- Có 0,8 km đường nội thôn là đường đất - 1,2 km đường nội đồng là đường đất	- 6 km đường nội thôn, 2 km đường xã đã bê tông hóa	- Hư hỏng đường nội thôn - Hư hỏng đường nội đồng	Cao Cao
Bão	Hữu Hậu	81	NVH thôn bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp	36 cột điện, 2,06 km dây điện kiên cố	Trụ điện gãy, đổ Dây điện đứt NVH hư hại	Thấp Cao
	Thượng	272	NVH thôn bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp	103 cột điện, 5km dây điện, 1 trạm điện kiên cố	Trụ điện gãy, đổ Dây điện đứt Trạm điện hư NVH hư hại	Thấp Thấp Thấp Cao
	Tiền	200	NVH thôn bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp	78 cột điện, 3,79 km dây điện kiên cố	Trụ điện gãy, đổ Dây điện đứt NVH hư hại	Thấp Cao
	Trung	286	NVH thôn bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp	73 cột điện, 4km dây điện, 1 trạm điện kiên cố	Trụ điện gãy, đổ Dây điện đứt Trạm điện hư NVH hư hại	Thấp Thấp Thấp Cao
	Tây	300	NVH thôn bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp	86 cột điện, 4,3 km dây điện kiên cố	Trụ điện gãy, đổ Dây điện đứt NVH hư hại	Thấp Cao
	Hà Thiệp	538	9 cột điện, 0,3 km dây điện chưa kiên cố NVH thôn bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp	189 cột điện, 7,2 km dây điện, 2 trạm điện kiên cố	Trụ điện gãy, đổ Dây điện đứt Trạm điện hư NVH hư hại	Trung bình Trung bình Thấp Cao
	Trúc Ly	770	NVH thôn bán kiên cố, xây dựng đã lâu, xuống cấp	216 cột điện, 8km dây điện, 2 trạm điện kiên cố	Trụ điện gãy, đổ Dây điện đứt Trạm điện hư NVH hư hại	Thấp Thấp Thấp Cao

....

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5**), Sơ họ bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/ĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các loại cơ sở

ha tầng mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với cơ sở hạ tầng công cộng của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với cơ sở hạ tầng công cộng dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Hữu Hậu	81	-	-	-	-
	Thượng	272	-	1,3 km kênh mương nội đồng bán kiên cố	Kênh mương có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp	Trung bình
	Tiền	200	-	1,2 km kênh mương nội đồng kiên cố 21 trạm bơm bán kiên cố	Kênh mương có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp Trạm bơm hư hại	Thấp Trung bình
	Trung	286	-	0,53 km kênh mương nội đồng kiên cố 8 cống thủy lợi kiên cố	Kênh mương có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp Cống hư	Thấp Thấp
	Tây	300	0,6 km kênh mương nội đồng chưa kiên cố 10 cống thủy lợi bán kiên cố 7 cống thủy lợi chưa kiên cố	2 km kênh mương nội đồng kiên cố 5 cống thủy lợi kiên cố	Kênh mương có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp Cống hư	Trung bình Trung bình
	Hà Thiệp	538	0,6 km kè chưa kiên cố 0,18 km kè bán kiên cố 3 km kênh mương nội đồng chưa kiên cố 2,05 km kênh mương nội đồng bán kiên cố 7 cống thủy lợi bán kiên cố 35 cống thủy lợi chưa kiên cố	1,2km kè kiên cố 2,33 km kênh mương nội đồng kiên cố 15 cống thủy lợi kiên cố 1 trạm bơm kiên cố	Kè hư hại Kênh mương có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp Cống hư Trạm bơm hư hại	Trung bình Trung bình Trung bình Thấp
	Trúc Ly	770	2,5km đê chưa kiên cố 2,5 km kè chưa kiên cố 0,18 km kè bán kiên cố 2,7 km kênh mương nội đồng bán kiên cố 2 cống thủy lợi chưa	0,7km đê kiên cố 0,7km kè kiên cố 3,08 km kênh mương nội đồng kiên cố 2 cống thủy lợi kiên cố	Đê, Kè hư hại Kênh mương có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp	Trung bình Trung bình

			kiên cố		Cống hư	Trung bình
				1 trạm bơm bán kiên cố	Trạm bơm hư hại	Trung bình

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B6), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐBKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/ĐKKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các công trình thủy lợi mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với công trình thủy lợi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với công trình thủy lợi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TUĐKKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Hữu Hậu	81	10 hộ có nhà ở vùng ngập lụt	10 nhà bán kiên cố	Nhà cửa hư hỏng	Thấp
	Thượng	272	242 hộ có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 17 nhà thiếu kiên cố + 28% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	89 nhà kiên cố 157 nhà bán kiên cố 80% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Thấp
	Tiền	200	164 hộ có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 10 nhà thiếu kiên cố + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	5 3 nhà kiên cố 137 nhà bán kiên cố 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Thấp
	Trung	286	245 hộ có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 48 nhà thiếu kiên cố + 20% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	130 nhà kiên cố 108 nhà bán kiên cố 80% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Thấp
	Tây	300	190 hộ có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 18 nhà ở ven sông + 5 nhà đơn sơ + 90 nhà thiếu kiên cố + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	35 nhà kiên cố 150 nhà bán kiên cố 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Trung bình
	Hà Thiệp	538	62 hộ có nhà ở vùng	12 nhà kiên cố		

			ngập lụt trong đó: + 2 nhà ở ven sông + 1 nhà đơn sơ + 7 nhà thiếu kiên cố + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	42 nhà bán kiên cố 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Trung bình
	Trúc Ly	770	770 hộ đều có nhà ở vùng ngập lụt trong đó: + 120 nhà ở ven sông + 90 nhà thiếu kiên cố + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	250 nhà kiên cố 310 nhà bán kiên cố 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Cao
Bão	Hữu Hậu	81	81 hộ đều có nhà ở vùng tác động của bão trong đó: + 4 nhà thiếu kiên cố + 34 nhà bán kiên cố + 10% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	81 nhà kiên cố + 90% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Cao
	Thượng	272	272 hộ đều có nhà ở vùng tác động của bão trong đó: + 17 nhà thiếu kiên cố + 157 nhà bán kiên cố + 20% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 20% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	89 nhà kiên cố + 80% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 80% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Cao
	Tiền	200	200 hộ đều có nhà ở vùng tác động của bão trong đó: + 10 nhà thiếu kiên cố + 137 nhà bán kiên cố + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	53 nhà kiên cố + 100% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Cao
	Trung	286	286 hộ đều có nhà ở vùng tác động của bão trong đó: + 48 nhà thiếu kiên cố + 108 nhà bán kiên cố	130 nhà kiên cố	Nhà cửa hư hỏng	Cao

		+ 20% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	+ 100% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 80 % người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai		
Tây	300	300 hộ đều có nhà ở vùng tác động của bão trong đó: + 18 nhà ở ven sông + 5 nhà đơn sơ + 90 nhà thiếu kiên cố + 150 nhà bán kiên cố + 10% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	35 nhà kiên cố + 90% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Cao
Hà Thiệp	538	538 hộ đều có nhà ở vùng tác động của bão trong đó: + 1 nhà ở ven sông + 3 nhà đơn sơ + 43 nhà thiếu kiên cố + 332 nhà bán kiên cố + 10% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	158 nhà kiên cố + 90% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Cao
Trúc Ly	770	770 hộ đều có nhà ở vùng tác động của bão trong đó: + 120 nhà ở ven sông + 90 nhà thiếu kiên cố + 310 nhà bán kiên cố + 10% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 10% người dân còn chủ quan chưa bảo vệ nhà cửa	250 nhà kiên cố + 90% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão + 90% người dân có ý thức bảo vệ nhà cửa trước thiên tai	Nhà cửa hư hỏng	Cao

.... ***Ghi chú khác***

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B7), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các Nhà ở mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với nhà ở của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với nhà ở dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	Hữu Hậu	81	<ul style="list-style-type: none"> - 7 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải chất bẩn ra môi trường - 20% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường - 20% người dân chưa có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 90% hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> 81 hộ dùng nước giếng 74 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có 1 tổ thu gom rác Hằng tháng thôn tổ chức vệ sinh môi trường 80% người dân có ý thức bảo vệ môi trường 80% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 10% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Thấp
	Thượng	272	<ul style="list-style-type: none"> - 43 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải chất bẩn ra môi trường - 20% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường - 20% người dân chưa có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 90% hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> 263 hộ dùng nước giếng 11 hộ có bể chứa nước 229 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có 1 tổ thu gom rác Hằng tháng thôn tổ chức vệ sinh môi trường 80% người dân có ý thức bảo vệ môi trường 80% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 10% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Thấp
	Tiền	200	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải chất bẩn ra môi trường - 25% người dân chưa 	<ul style="list-style-type: none"> 200 hộ dùng nước giếng 200 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có 1 tổ thu gom rác Hằng tháng thôn tổ chức vệ sinh môi trường 75% người dân có ý 	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Thấp

		<p>có ý thức bảo vệ môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% người dân chưa có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 90% hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình 	<p>thức bảo vệ môi trường</p> <p>80% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình 		
Trung	286	<ul style="list-style-type: none"> - 4 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải chất bẩn ra môi trường <p>-</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường - 20% người dân chưa có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 90% hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình 	<p>286 hộ dùng nước giếng</p> <p>150 hộ có bể chứa nước</p> <p>282 hộ có hố xí hợp vệ sinh</p> <p>Thôn có 1 tổ thu gom rác</p> <p>Hằng tháng thôn tổ chức vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% người dân có ý thức bảo vệ môi trường - 80% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 10% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình 	<p>Nguy cơ ô nhiễm môi trường</p> <p>Nguy cơ xảy ra dịch bệnh</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p>
Tây	300	<ul style="list-style-type: none"> - 12 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải chất bẩn ra môi trường - Do vùng thấp gần cuối sông nên rác thải, xác súc vật sau lụt trôi tập vào <p>20% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% người dân chưa có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 90% hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình 	<p>293 hộ dùng nước giếng</p> <p>7 hộ dùng nước máy</p> <p>300 hộ có bể chứa nước</p> <p>288 hộ có hố xí hợp vệ sinh</p> <p>Thôn có 1 tổ thu gom rác</p> <p>Hằng tháng thôn tổ chức vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% người dân có ý thức bảo vệ môi trường - 80% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 10% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình 	<p>Nguy cơ ô nhiễm môi trường</p> <p>Nguy cơ xảy ra dịch bệnh</p>	<p>Cao</p> <p>Thấp</p>
Hà Thiệp	538	<p>6 hộ không có nhà vệ sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải chất bẩn ra môi trường - Do vùng thấp gần 	<p>6 hộ dùng nước giếng</p> <p>398 hộ dùng nước máy</p> <p>134 hộ dùng nước tự chảy khoan từ lòng cát nước tự chảy về.</p> <p>512 hộ có hố xí hợp vệ sinh</p>	<p>Nguy cơ ô nhiễm môi trường</p>	<p>Cao</p>

			cuối sông nên rác thải, xác súc vật sau lụt trôi tấp vào 30% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường - 20% người dân chưa có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 90% hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình	Thôn có 1 tổ thu gom rác Hằng tháng thôn tổ chức vệ sinh môi trường 70% người dân có ý thức bảo vệ môi trường 80% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 10% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình	Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Thấp
	Trúc Ly	770	- 20 hộ chưa có nhà vệ sinh - 50 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Nhiều hộ chăn nuôi còn thải chất bẩn ra môi trường - Do vùng thấp gần cuối sông nên rác thải, xác súc vật sau lụt trôi tấp vào 30% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường - 15% người dân chưa có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 97% hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình	270 hộ dùng nước giếng 500 hộ dùng nước trạm cấp nước 300 hộ có bể chứa nước 700 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có 1 tổ thu gom rác Hằng tháng thôn tổ chức vệ sinh môi trường 70% người dân có ý thức bảo vệ môi trường 85% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe - 3% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Cao Thấp

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền
 Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B8), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'ĐKKH (B13)
 Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TU'ĐKKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Lụt	Trung	286	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế ở trong vùng ngập lụt - Trạm y tế xã xây dựng từ năm 2008, một số hạng mục đã xuống cấp - Trang thiết bị y tế cơ bản còn thiếu - Người dân không điều trị nội trú - Người dân không khám sức khỏe định kỳ tại trạm, chỉ khi có bệnh mới đến khám - 20% người dân còn chưa có ý thức về bảo vệ sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm Y tế cơ sở kiên cố , 2 tầng, có 9 phòng kiên cố và 3 giường bệnh - Trạm có 2 bác sỹ (1nam, 1 nữ) và 5 nhân viên y tế (5 nữ) đã qua đào tạo chính quy (1 Y sỹ, 2 điều dưỡng, 1 nữ hộ sinh, 1 dược sỹ) - Mỗi thôn có một cán bộ y tế thôn - 80% người dân có ý thức về bảo vệ sức khỏe 	Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời	Trung bình
	Các thôn Hữu Hậu Thượng Tiên Tây Hà Thiệp Trúc Ly		<ul style="list-style-type: none"> - Khi có lụt đến trạm xá khó khăn do thiếu phương tiện - Người dân không điều trị nội trú - Người dân không khám sức khỏe định kỳ tại trạm - 10% người dân còn chưa có ý thức về 	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm Y tế cơ sở kiên cố , 2 tầng, có 9 phòng kiên cố và 3 giường bệnh - Trạm có 2 bác sỹ (1nam, 1 nữ) và 5 nhân viên y tế (4 nữ) đã qua đào tạo chính quy - Mỗi thôn có một cán bộ y tế thôn - 80% người dân có ý thức về bảo vệ sức khỏe 	Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời	Trung bình
Bão	Trung	286	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế ở trong vùng tác động của bão - Trạm y tế xã xây dựng từ năm 2008, một số hạng mục đã xuống cấp - Trang thiết bị y tế cơ bản còn thiếu - Người dân không điều trị nội trú - Người dân không khám sức khỏe định kỳ tại trạm, chỉ khi có bệnh mới đến khám - 20% người dân còn chưa có ý thức về bảo vệ sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm Y tế cơ sở kiên cố , 2 tầng, có 9 phòng kiên cố và 3 giường bệnh - Trạm có 2 bác sỹ (1nam, 1 nữ) và 5 nhân viên y tế (4 nữ) đã qua đào tạo chính quy - Mỗi thôn có một cán bộ y tế thôn - 80% người dân có ý thức về bảo vệ sức khỏe 	<p>Hư mái tôn trạm y tế</p> <p>Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
....	Ghi chú khác					
<p>Hướng dẫn điền</p> <p>Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, B5d, B9), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)</p> <p>Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh</u> mà xã/thôn đã có</p> <p>Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn</p> <p>Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)</p>						

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Tây	300	Trường Mầm non ở trong vùng ngập lụt,	Trường Mầm non có 16 phòng kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Thấp Thấp Trung bình
	Tiền	200	Điểm trường Mầm non ở thôn Tiền trong vùng ngập lụt, có 5 phòng học bán kiên cố	Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Thấp Thấp Trung bình
	Trung	286	- Trường Tiểu học số 1, trường THCS ở trong vùng ngập lụt	Trường Tiểu học số 1 có 14 phòng kiên cố Trường THCS có 21 phòng kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Thấp Thấp Trung bình
	Hà Thiệp	538	- Điểm trường Mầm non Hà Thiệp ở trong vùng ngập lụt có 3 phòng bán kiên cố - Trường Tiểu học số 2 ở trong vùng ngập lụt	Trường Tiểu học số 2 có 13 phòng kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Thấp Thấp Trung bình
	Trúc Ly	770	- Điểm trường Mầm non Trúc Ly ở trong vùng ngập lụt - Điểm trường Tiểu học số 2 ở trong vùng ngập lụt, có 8 phòng bán kiên cố	Điểm trường Mầm non có 5 phòng kiên cố - Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Thấp Thấp Trung bình
	Bão	Tây	300	Trường Mầm non ở trong vùng bão	Trường Mầm non có 16 phòng kiên cố	Phòng học hư hại

				Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Thấp Trung bình
Tiền	200	Điểm trường Mầm non ở thôn Tiền trong vùng bão, có 5 phòng học bán kiên cố		Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Trung bình Thấp Trung bình
Trung	286	- Trường Tiểu học số 1, trường THCS ở trong vùng bão		Trường Tiểu học số 1 có 14 phòng kiên cố Trường THCS có 21 phòng kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Thấp Thấp Trung bình
Hà Thiệp	538	- Điểm trường Mầm non Hà Thiệp ở trong vùng bão có 3 phòng bán kiên cố - Trường Tiểu học số 2 ở trong vùng ngập lụt		Trường Tiểu học số 2 có 13 phòng kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Trung bình Thấp Trung bình
Trúc Ly	770	- Điểm trường Mầm non Trúc Ly ở trong vùng bão - Điểm trường Tiểu học số 2 ở trong vùng bão, có 8 phòng bán kiên cố		Điểm trường Mầm non có 5 phòng kiên cố - Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với thiên tai	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh nghỉ học dài ngày	Trung bình Thấp Trung bình

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền
 Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5c**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13)
 Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực giáo dục của **từng loại hình thiên tai** tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực y giáo dục dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Hữu Hậu	81	4,6 ha rừng tràm ở trong vùng tác động của bão Người dân chưa có biện pháp để hạn chế thiệt hại do bão gây ra	- Diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao
	Tiền	200	70 ha rừng tràm ở trong vùng tác động của bão Người dân chưa có biện pháp để hạn chế thiệt hại do bão gây ra	- Diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao
	Trung	286	175 ha rừng tràm ở trong vùng tác động của bão Người dân chưa có biện pháp để hạn chế thiệt hại do bão gây ra	- Diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao
	Tây	300	47 ha rừng tràm ở trong vùng tác động của bão Người dân chưa có biện pháp để hạn chế thiệt hại do bão gây ra	- Diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao
	Hà Thiệp	538	1,5 ha rừng ngập mặn ven sông		Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao
	Trúc Ly	770	2,5 ha rừng ngập mặn ven sông 3 ha rừng tràm ở trong vùng tác động của bão Người dân chưa có biện pháp để hạn chế thiệt hại do bão gây ra	- Diện tích rừng trồng thuộc sở hữu của người dân	Cây trồng có nguy cơ gãy, đổ do gió bão	Cao
....	Ghi chú khác					
<p>Hướng dẫn điền Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, B10), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13) Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng</u> mà xã/thôn đã có Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực rừng và quản lý rừng cộng đồng</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với rừng và quản lý rừng cộng đồng</u> dựa vào kết quả các cột (3),</p>						

(4), (5), (6)

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Hữu Hậu	81	4,5 ha đất trồng lúa ở trong vùng thường bị ngập úng 4 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng thường bị ngập	Có lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm về sản xuất, trong đó 40% phụ nữ tham gia (Nam làm đất, thuê máy cày, nữ chăm sóc) Có HTX SXNN chi đạo sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại Sắn hư	Trung bình Trung bình
	Thượng	272	23,2 ha đất trồng lúa ở trong vùng thường bị ngập úng 5 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng thường bị ngập	Có lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm về sản xuất, trong đó 60% phụ nữ tham gia (Nam làm đất, thuê máy cày, nữ chăm sóc) Có 3 máy cày, 1 máy gặt Có HTX SXNN chi đạo sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	Tiền	200	23,7 ha đất trồng lúa ở trong vùng thường bị ngập úng 6,1 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng thường bị ngập	Có lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm về sản xuất, trong đó 50% phụ nữ tham gia (Nam làm đất, thuê máy cày, nữ chăm sóc) Có 2 máy gặt 1 trạm bơm tưới Có HTX SXNN chi đạo sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	Trung	286	32 ha đất trồng lúa ở trong vùng thường bị ngập úng 5 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng thường bị ngập	Có lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm về sản xuất, trong đó 70% phụ nữ tham gia (Nam làm đất, thuê máy cày, nữ chăm sóc) Có 1 máy cày Có Tổ hợp tác chi đạo sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	Tây	300	30,8 ha đất trồng lúa ở trong vùng thường bị ngập úng 3,2 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng thường bị ngập	Có lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm về sản xuất, trong đó 60% phụ nữ tham gia (Nam làm đất, thuê máy cày, nữ chăm sóc) Có 1 máy cày 1 trạm bơm tưới Có Tổ hợp tác chi đạo sản	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình

			xuất			
	Hà Thiệp	538	68 ha đất trồng lúa ở trong vùng thường bị ngập úng 14 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng thường bị ngập	Có lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm về sản xuất, trong đó 60% phụ nữ tham gia (Nam làm đất, thuê máy cày, nữ chăm sóc) Có 2 máy cày 1 trạm bơm tưới Có Tổ hợp tác chi đạo sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	Trúc Ly	770	17 ha đất trồng lúa ở trong vùng thường bị ngập úng 12 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng thường bị ngập	Có lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm về sản xuất, trong đó 70% phụ nữ tham gia (Nam làm đất, thuê máy cày, nữ chăm sóc) Có 2 máy cày 4 trạm bơm Có Tổ hợp tác chi đạo sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
Lượng mưa thay đổi (mưa nhiều)	Thượng	272	7 ha rau màu ở vùng mưa thường làm ngập 0,5 ha sắn ở vùng mưa làm ngập	Có lực lượng lao động có kinh nghiệm về sản xuất,	Hoa màu bị hư hại Sắn hư	Trung bình Trung bình
	Tiền	200	1,45 ha rau màu ở vùng mưa thường làm ngập 0,52 ha sắn ở vùng mưa làm ngập	Có lực lượng lao động có kinh nghiệm về sản xuất,	Hoa màu bị hư hại Sắn hư	Trung bình Trung bình
	Trung	286	1,2 ha rau màu ở vùng mưa thường làm ngập 2 ha sắn ở vùng mưa làm ngập	Có lực lượng lao động có kinh nghiệm về sản xuất,	Hoa màu bị hư hại Sắn hư	Trung bình Trung bình
	Tây	300	6 ha rau màu ở vùng mưa thường làm ngập	Có lực lượng lao động có kinh nghiệm về sản xuất,	Hoa màu bị hư hại	Trung bình
	Hà Thiệp	538	14 ha rau màu ở vùng mưa thường làm ngập	Có lực lượng lao động có kinh nghiệm về sản xuất,	Hoa màu bị hư hại	Trung bình
	Trúc Ly	770	12 ha rau màu ở vùng mưa thường làm ngập	Có lực lượng lao động có kinh nghiệm về sản xuất,	Hoa màu bị hư hại	Trung bình
Bão	Hữu Hậu	81	1,5 ha cây ăn quả ở trong vùng tác động của bão	Người dân có kinh nghiệm bảo vệ cây	Cây cối hư hại	Trung bình
	Thượng	272	5 ha cây ăn quả ở trong vùng tác động của bão	Người dân có kinh nghiệm bảo vệ cây	Cây cối hư hại	Trung bình

	Tiền	200	1,5 ha cây ăn quả ở trong vùng tác động của bão	Người dân có kinh nghiệm bảo vệ cây	Cây cối hư hại	Trung bình
	Trung	286	2 ha cây ăn quả ở trong vùng tác động của bão	Người dân có kinh nghiệm bảo vệ cây	Cây cối hư hại	Trung bình
	Tây	300	2 ha cây ăn quả ở trong vùng tác động của bão	Người dân có kinh nghiệm bảo vệ cây	Cây cối hư hại	Trung bình
	Hà Thiệp	538	6,5 ha cây ăn quả ở trong vùng tác động của bão	Người dân có kinh nghiệm bảo vệ cây	Cây cối hư hại	Trung bình
	Trúc Ly	770	2 ha cây ăn quả ở trong vùng tác động của bão	Người dân có kinh nghiệm bảo vệ cây	Cây cối hư hại	Trung bình
Hạn (Nhiệt độ tăng cao)	Hữu Hậu	81	4,5 ha đất trồng lúa ở vùng hay bị hạn Bị ảnh hưởng bởi cát bay cát lấp	Người trồng trọt có kinh nghiệm chống hạn	Lúa hư hại. giảm năng suất	Trung bình
	Mất diện tích trồng lúa do cát lấp				Trung bình	
	Thượng	272	7 ha đất trồng lúa ở vùng hay bị hạn 0,5 ha đất trồng hoa màu ở vùng hay bị hạn	Người trồng trọt có kinh nghiệm chống hạn Ruộng ở vùng Ông Đồng chủ động nước tưới của hồ Rào Đá	Lúa hư hại. giảm năng suất Hoa màu hư hại	Trung bình Thấp
	Tiền	200	11,7 ha đất trồng lúa ở vùng hay bị hạn	Người trồng trọt có kinh nghiệm chống hạn Có 1 trạm bơm tưới	Lúa hư hại. giảm năng suất	Trung bình
	Trung	286	17,6 ha đất trồng lúa ở vùng hay bị hạn	Người trồng trọt có kinh nghiệm chống hạn Có 1 trạm bơm tưới	Lúa hư hại. giảm năng suất	Trung bình
	Tây	300	12 ha đất trồng lúa ở vùng hay bị hạn	Người trồng trọt có kinh nghiệm chống hạn Có 1 trạm bơm tưới	Lúa hư hại. giảm năng suất	Trung bình
	Hà Thiệp	538	48 ha đất trồng lúa ở vùng hay bị hạn 15 ha đất trồng hoa màu ở vùng hay bị hạn	Người trồng trọt có kinh nghiệm chống hạn Có 1 trạm bơm tưới	Lúa hư hại. giảm năng suất Hoa màu hư hại	Trung bình Thấp
	Trúc Ly	770	46,7 ha đất trồng lúa ở vùng hay bị hạn 12 ha đất trồng hoa màu ở vùng hay bị hạn	Người trồng trọt có kinh nghiệm chống hạn Có 3 trạm bơm tưới Có hệ thống nước tưới của hói Trúc Ly, của hồ Rào Đá.	Lúa hư hại. giảm năng suất Hoa màu hư hại	Thấp Thấp
Rét	Hữu Hậu	81	Có 4,5 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm phòng, chống rét, 80% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lúa chết/ giảm năng suất	Trung bình
	Thượng	272	Có 23,2 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị tác động	Người dân có kinh nghiệm phòng, chống rét,	Lúa chết/ giảm năng	Trung bình

		của rét	80% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	suất	
Tiền	200	Có 23,7 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm phòng, chống rét, 80% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lua chết/ giảm năng suất	Trung bình
Trung	286	Có 30,8 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm phòng, chống rét, 80% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lua chết/ giảm năng suất	Trung bình
Tây	300	Có 32 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm phòng, chống rét, 80% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lua chết/ giảm năng suất	Trung bình
Hà Thiệp	538	Có 68 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm phòng, chống rét, 80% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lua chết/ giảm năng suất	Trung bình
Trúc Ly	770	Có 106 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm phòng, chống rét, 80% người dân áp dụng các biện pháp KHKT phòng, chống rét	Lua chết/ giảm năng suất	Trung bình

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền
 Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)
 Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực trồng trọt mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực trồng trọt của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực trồng trọt dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH						
(1)						
Lợn	Thượng	272	10 con trâu/bò được nuôi trong vùng ngập lụt	Có 9 con trâu, bò có chuồng trại an toàn	Trâu, bò trôi/chết	Trung bình
			Có 1 con trâu, bò có chuồng trại chưa được an toàn	20 hộ có chuồng lợn cao an toàn	Lợn trôi/chết	Trung bình
			300 con lợn được nuôi trong vùng lụt (80 hộ nuôi) 60 hộ có chuồng lợn thấp 1.100 con gia cầm được	30 hộ nuôi gia cầm có	Gia cầm	Cao

		<p>nuôi trong vùng ngập lụt, 20 hộ nuôi còn thả rong</p> <p>30% người dân chưa có kiến thức KHKT chăn nuôi</p>	<p>chuồng trại và vây nhốt Phụ nữ và nam giới đều tham gia vào chăn nuôi, tỷ lệ nữ là 80%</p> <p>70% người dân có kiến thức KHKT chăn nuôi</p>	<p>chết</p>	
Tiền	200	<p>70 con trâu/bò được nuôi trong vùng ngập lụt</p> <p>Có 2 hộ chuồng trại nuôi trâu bò chưa được an toàn</p> <p>405 con lợn được nuôi trong vùng lụt (135 hộ nuôi)</p> <p>95 hộ có chuồng lợn thấp</p> <p>850 con gia cầm được nuôi trong vùng ngập lụt, 40 hộ nuôi còn thả rong</p> <p>25% người dân chưa có kiến thức KHKT chăn nuôi</p>	<p>11 hộ có chuồng trại nuôi trâu bò an toàn</p> <p>40 hộ có chuồng lợn cao an toàn</p> <p>105 hộ nuôi gia cầm có chuồng trại và vây nhốt</p> <p>Phụ nữ và nam giới đều tham gia vào chăn nuôi, tỷ lệ nữ là 70%</p> <p>75% người dân có kiến thức KHKT chăn nuôi</p>	<p>Trâu, bò trôi/chết</p> <p>Lợn trôi/chết</p> <p>Gia cầm chết</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Cao</p>
Trung	286	<p>45 con trâu/bò được nuôi trong vùng ngập lụt</p> <p>Có 3 hộ chuồng trại nuôi trâu bò chưa được an toàn</p> <p>800 con lợn được nuôi trong vùng lụt (80 hộ nuôi)</p> <p>16 hộ có chuồng lợn thấp</p> <p>4000 con gia cầm được nuôi trong vùng ngập lụt, 60 hộ nuôi còn thả rong</p> <p>30% người dân chưa có kiến thức KHKT chăn nuôi</p>	<p>10 hộ có chuồng trại nuôi trâu bò an toàn</p> <p>64 hộ có chuồng lợn cao an toàn</p> <p>40 hộ nuôi gia cầm có chuồng trại và vây nhốt</p> <p>Phụ nữ và nam giới đều tham gia vào chăn nuôi, tỷ lệ nữ là 80%</p> <p>70% người dân có kiến thức KHKT chăn nuôi</p>	<p>Trâu, bò trôi/chết</p> <p>Lợn trôi/chết</p> <p>Gia cầm chết</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Cao</p>
Tây	300	<p>28 con trâu/bò được nuôi trong vùng ngập lụt</p> <p>470 con lợn được nuôi trong vùng lụt (170 hộ nuôi)</p> <p>150 hộ có chuồng lợn thấp</p> <p>3500 con gia cầm được nuôi trong vùng ngập lụt, 100 hộ nuôi còn thả rong</p> <p>25% người dân chưa có kiến thức KHKT chăn nuôi</p>	<p>6 hộ có chuồng trại nuôi trâu bò an toàn</p> <p>20 hộ có chuồng lợn cao an toàn</p> <p>150 hộ nuôi gia cầm có chuồng trại và vây nhốt</p> <p>Phụ nữ và nam giới đều tham gia vào chăn nuôi, tỷ lệ nữ là 80%</p> <p>75% người dân có kiến thức KHKT chăn nuôi</p>	<p>Trâu, bò trôi/chết</p> <p>Lợn trôi/chết</p> <p>Gia cầm chết</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Cao</p>
Hà Thiệp	538	<p>84 con trâu/bò được nuôi trong vùng ngập lụt</p> <p>Có 7 hộ chuồng trại nuôi trâu bò chưa được an toàn</p> <p>102 con lợn được nuôi trong vùng lụt (62 hộ nuôi)</p> <p>15 hộ có chuồng lợn thấp</p> <p>15.000 con gia cầm được nuôi trong vùng ngập lụt, 50 hộ nuôi còn thả rong</p>	<p>18 hộ có chuồng trại nuôi trâu bò an toàn</p> <p>47 hộ có chuồng lợn cao an toàn</p> <p>350 hộ nuôi gia cầm có chuồng trại và vây nhốt</p> <p>Phụ nữ và nam giới đều tham gia vào chăn nuôi, tỷ lệ nữ là 80%</p>	<p>Trâu, bò trôi/chết</p> <p>Lợn trôi/chết</p> <p>Gia cầm chết</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Cao</p>

			30% người dân chưa có kiến thức KHKT chăn nuôi	lệ nữ là 80% 70% người dân có kiến thức KHKT chăn nuôi		
	Trúc Ly		106 con trâu/bò được nuôi trong vùng ngập lụt Có 13 hộ chuồng trại nuôi trâu bò chưa được an toàn	81 hộ có chuồng trại nuôi trâu bò an toàn	Trâu, bò trôi/chết	Trung bình
		770	250 con lợn được nuôi trong vùng lụt (70 hộ nuôi) 60 hộ có chuồng lợn thấp 5.000 con gia cầm được nuôi trong vùng ngập lụt, 200 hộ nuôi còn thả rong	10 hộ có chuồng lợn cao an toàn 370 hộ nuôi gia cầm có chuồng trại và vây nhốt Phụ nữ và nam giới đều tham gia vào chăn nuôi, tỷ lệ nữ là 80%	Lợn trôi/chết Gia cầm chết	Trung bình Cao
			25% người dân chưa có kiến thức KHKT chăn nuôi	75% người dân có kiến thức KHKT chăn nuôi		
Bão	Hữu Hậu	81	200 con gia cầm được nuôi. Có 10 hộ nuôi gia cầm còn thả rong	50 hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình
	Thượng	272	1.100 con gia cầm được nuôi trong thôn, Có 20 hộ nuôi còn thả rong	30 hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới	Gia cầm chết	Trung bình
	Tiền	200	850 con gia cầm được nuôi trong vùng. 40 hộ nuôi còn thả rong	105 hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới	Gia cầm chết	Trung bình
	Trung	286	4000 con gia cầm được nuôi trong vùng . 60 hộ nuôi còn thả rong	40 hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới	Gia cầm chết	Trung bình
	Tây	300	3500 con gia cầm được nuôi trong vùng,. 100 hộ nuôi còn thả rong	150 hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới	Gia cầm chết	Trung bình
	Hà Thiệp	538	15.000 con gia cầm được nuôi trong vùng. 50 hộ nuôi còn thả rong	350 hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới	Gia cầm chết	Trung bình
	Trúc Ly	770	5.000 con gia cầm được nuôi trong vùng . 200 hộ nuôi còn thả rong	370 hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới	Gia cầm chết	Trung bình
Rét	Hữu Hậu	81	15 con trâu, bò nuôi trong vùng thường bị tác động của rét	10 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 10 hộ nuôi có kinh nghiệm chống rét cho trâu bò	Trâu, bò chết	Cao
	Thượng	272	14 con trâu, bò nuôi trong vùng thường bị tác động của rét 2 hộ chưa có chuồng trại kín gió chống rét cho trâu bò	9 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 11 hộ nuôi có kinh nghiệm chống rét cho trâu bò	Trâu, bò chết	Cao
	Tiền	200	70 con trâu, bò nuôi trong vùng thường bị tác động của rét 2 hộ chưa có chuồng trại kín	11 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 13 hộ nuôi có kinh nghiệm chống rét cho trâu	Trâu, bò chết	Cao

		gió chống rét cho trâu bò	bò		
Trung	286	45 con trâu, bò nuôi trong vùng thường bị tác động của rét	13 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 13 hộ nuôi có kinh nghiệm chống rét cho trâu bò	Trâu, bò chết	Cao
Tây	300	28 con trâu, bò nuôi trong vùng thường bị tác động của rét 4 hộ chưa có chuồng trại kín gió chống rét cho trâu bò	20 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 24 hộ nuôi có kinh nghiệm chống rét cho trâu bò	Trâu, bò chết	Cao
Hà Thiệp	538	84 con trâu, bò nuôi trong vùng thường bị tác động của rét	6 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 6 hộ nuôi có kinh nghiệm chống rét cho trâu bò	Trâu, bò chết	Cao
Trúc Ly	770	106 con trâu, bò nuôi trong vùng thường bị tác động của rét 4 hộ chưa có chuồng trại kín gió chống rét cho trâu bò	20 hộ nuôi có chuồng trại kín gió 24 hộ nuôi có kinh nghiệm chống rét cho trâu bò	Trâu, bò chết	Cao
....	Ghi chú khác				

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU²BĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Chăn nuôi mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Chăn nuôi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Chăn nuôi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU ² BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Hữu Hậu	81	3 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê thấp	7 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê cao Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
	Thượng	272	11,5 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê thấp	Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
	Tiền	200	3 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê thấp	7 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê cao Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình

	Trung	286	20,6 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê thấp Có 24 thuyền đánh cá , 48 người đánh cá (nữ 24)	2,8 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê cao Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Người đánh cá có kinh nghiệm sông nước, 100% biết bơi	Thủy sản trôi/chết Thuyền hư Thiệt hại về người	Trung bình Thấp Thấp
	Tây	300	4 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê thấp	5,8 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê cao Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
	Hà Thiệp	538	24,4 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê thấp Có 4 thuyền đánh cá , 8 người đánh cá (nữ 2)	1,0 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê cao Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Người đánh cá có kinh nghiệm sông nước, 100% biết bơi	Thủy sản trôi/chết Thuyền hư Thiệt hại về người	Trung bình Thấp Thấp
	Trúc Ly	770	57 ha ao hồ nuôi thủy sản có nền đê thấp 47 lồng cá được nuôi trên sông Có 350 thuyền đánh cá , 650 người đánh cá (nữ 400)	Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Người đánh cá có kinh nghiệm sông nước, 100% biết bơi	Thủy sản trôi/chết Lồng cá trôi Thuyền hư Thiệt hại về người	Trung bình Trung bình Thấp Thấp
Bão	Trung	286	Có 24 thuyền đánh cá , 48 người đánh cá (nữ 24)	Người đánh cá có kinh nghiệm sông nước, 100% biết bơi	Thuyền hư Thiệt hại về người	Thấp Thấp
	Hà Thiệp	538	Có 4 thuyền đánh cá , 8 người đánh cá (nữ 2)	Người đánh cá có kinh nghiệm sông nước, 100% biết bơi	Thuyền hư Thiệt hại về người	Thấp Thấp
	Trúc Ly	770	47 lồng cá được nuôi trên sông Có 350 thuyền đánh cá , 650 người đánh cá (nữ 400)	Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản Người đánh cá có kinh nghiệm sông nước, 100% biết bơi Có 1 âu neo đậu tàu thuyền	Thủy sản trôi/chết Lồng cá trôi Thuyền hư Thiệt hại về người	Trung bình Trung bình Thấp Thấp

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền
Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Thủy sản mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Thủy sản của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Thủy sản dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

12. Du lịch

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	Hữu Hậu	81	Có 2 cơ sở dịch vụ ăn uống nhà bán kiên cố	Chủ cơ sở có kinh nghiệm trong phòng chống bão lụt, bảo vệ cơ sở	Hư hại cơ sở	Trung bình
	Thượng	272	Có 9 cơ sở dịch vụ ăn uống trong đó 7 nhà bán kiên cố	Có 2 cơ sở kiên cố Chủ cơ sở có kinh nghiệm trong phòng chống bão lụt, bảo vệ cơ sở	Hư hại cơ sở	Trung bình
	Tiền	200	Có 1 cơ sở dịch vụ ăn uống nhà bán kiên cố	Chủ cơ sở có kinh nghiệm trong phòng chống bão lụt, bảo vệ cơ sở	Hư hại cơ sở	Trung bình
	Trung	286	Có 10 cơ sở dịch vụ ăn uống trong đó 5 nhà bán kiên cố	Có 5 cơ sở kiên cố Chủ cơ sở có kinh nghiệm trong phòng chống bão lụt, bảo vệ cơ sở	Hư hại cơ sở	Trung bình
	Tây	300	Có 4 cơ sở dịch vụ ăn uống trong đó 3 nhà bán kiên cố	Có 1 cơ sở kiên cố Chủ cơ sở có kinh nghiệm trong phòng chống bão lụt, bảo vệ cơ sở	Hư hại cơ sở	Trung bình
	Hà Thiệp	538	Có 25 cơ sở dịch vụ ăn uống trong đó 18 nhà bán kiên cố	Có 7 cơ sở kiên cố Chủ cơ sở có kinh nghiệm trong phòng chống bão lụt, bảo vệ cơ sở	Hư hại cơ sở	Trung bình
	Trúc Ly	770	Có 9 cơ sở dịch vụ ăn uống trong đó 7 nhà bán kiên cố	Có 2 cơ sở kiên cố Chủ cơ sở có kinh nghiệm trong phòng chống bão lụt, bảo vệ cơ sở	Hư hại cơ sở	Trung bình

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền
 Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)
 Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Du lịch mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Du lịch của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Du lịch dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Hữu Hậu	81	0	0	0	0
	Thượng	272	30 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, nhà bán kiên cố 2 cơ sở xay xát 4 cơ sở may mặc	Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh	Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại máy móc	Thấp Thấp
	Tiền	200	12 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, nhà bán kiên cố 6 cơ sở xay xát 1 cơ sở may mặc	Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh	Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại máy móc	Thấp Thấp
	Trung	286	60 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, trong đó 48 nhà bán kiên cố 4 cơ sở xay xát, 3 cơ sở may mặc bán kiên cố ở trong vùng ngập 19 cơ sở dịch vụ khác có nhà bán kiên cố	Có 1 chợ xã, bán kiên cố 12 nhà kiên cố, 3 cơ sở may mặc kiên cố Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh	Chợ hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại máy móc, thiết bị...	Thấp Thấp Thấp
	Tây	300	18 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, trong đó 6 nhà bán kiên cố 3 cơ sở xay xát 2 cơ sở may mặc	12 cơ sở kiên cố Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh	Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại máy móc, dụng cụ	Thấp Thấp
	Hà Thiệp	538	60 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, trong đó 40 nhà bán kiên cố 7 cơ sở xay xát, 3 cơ sở may mặc bán kiên cố 7 xưởng mộc bán kiên cố	20 cơ sở kiên cố Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở 4 xưởng mộc kiên cố	Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại máy móc, dụng cụ	Thấp Thấp

			Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh			
Trúc Ly	770	Có 1 chợ tam, nhỏ trong thôn 209 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng ngập lụt, nhà bán kiên cố 7 cơ sở xay xát, 6 cơ sở may mặc bán kiên cố	Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Chợ hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại máy móc	Cao Thấp Thấp	
Bão	Hữu Hậu	81	5 cơ sở kinh doanh buôn bán bán kiên cố 1 cơ sở xay xát bán kiên cố	Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Hư hại cơ sở	Trung bình
	Thượng	272	30 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão có nhà bán kiên cố 2 cơ sở xay xát, 4 cơ sở may mặc bán kiên cố	Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh	Hư hại cơ sở Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại cơ sở Hư hại máy móc	Trung bình Thấp Trung bình Thấp
	Tiền	200	12 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão có nhà bán kiên cố 6 cơ sở xay xát, 1 cơ sở may mặc	Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh	Hư hại cơ sở Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại cơ sở Hư hại máy móc	Trung bình Thấp Trung bình Thấp
	Trung	286	Có 1 chợ xã, bán kiên cố 60 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão, trong đó 48 nhà bán kiên cố 4 cơ sở xay xát, 3 cơ sở may mặc bán kiên cố 19 cơ sở dịch vụ khác có nhà bán kiên cố	12 nhà kiên cố, 3 cơ sở may mặc kiên cố Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh	Chợ hư hại Cơ sở hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại cơ sở Hư hại máy móc, thiết bị...	Cao Trung bình Thấp Trung bình Thấp
	Tây	300	18 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão, trong đó 6 nhà bán kiên cố 3 cơ sở xay xát, 2 cơ sở may mặc bán kiên cố	12 cơ sở kiên cố Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh	Hư hại cơ sở Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại cơ sở Hư hại máy móc	Trung bình Thấp Trung bình Thấp

Hà Thiệp	538	60 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão, trong đó 40 nhà bán kiên cố 7 cơ sở xây xát ,3 cơ sở may mặc bán kiên cố 7 xưởng mộc bán kiên cố	20 cơ sở kiên cố Cơ sở tư nhân quản lý, vừa là nhà ở 4 xưởng mộc kiên cố Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất 90% nữ tham gia kinh doanh	Hư hại cơ sở Hàng hóa ướt/ hư hại Hư hại có sở Hư hại máy móc	Trung bình Thấp Trung bình Thấp
Trúc Ly	770	Có 1 chợ tam, nhỏ trong thôn 209 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão có nhà bán kiên cố 7 cơ sở xây xát , 6 cơ sở may mặc bán kiên cố	Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Chợ hư hại Cơ sở hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở hư hại Hư hại máy móc	Cao Trung bình Thấp Trung bình Thấp

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền
 Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'ĐKH (B13)
 Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/ĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác của **từng loại hình thiên tai** tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TU'ĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	7 thôn Hữu Hậu Thượng Tiên Trung Tây Hà Thiệp Trúc Ly		- Hệ thống truyền thanh của xã đã hư hỏng, không sử dụng được nên không có để phát các thông tin, truyền thông và cảnh báo từ xã đến cộng đồng - Hệ thống truyền thanh của thôn bằng loa có dây dễ bị bão làm hư hại - Các thôn chưa có máy phát điện dự phòng khi có bão mất điện - Thông tin từ thôn tới người dân còn chậm 22,2 % hộ gia đình còn chưa có các phương tiện	- Hệ thống loa truyền thanh của thôn phủ khắp 100% địa bàn thôn - Mỗi thôn có một loa cầm tay còn sử dụng tốt - 97% người dân nghe được các thông tin, cảnh báo từ thôn - 88% hộ gia đình có các phương tiện nghe nhìn, tiếp cận được các thông tin cảnh báo từ thông tin đại chúng	Không đảm bảo thông tin, liên lạc, cảnh báo từ xã đến người dân nhanh chóng Hệ thống truyền thanh hư hại Không đảm bảo thông tin, liên lạc, cảnh báo	Cao Trung bình Trung bình

			nghe nhìn 3% người dân ở xa các cụm loa đôi lúc chưa nghe được các thông tin cảnh báo từ thôn	- 85% hộ gia đình có sử dụng điện thoại - 1750 hộ có sử dụng Internet.		
....	Ghi chú khác					
Hướng dẫn điền Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Phòng chống thiên tai/TUĐDKH (B13) Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B12), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm</u> mà xã/thôn đã có Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)						

15. Phòng chống thiên tai/TUĐDKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt và Bão	Hữu Hậu	81	- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có thành thạo các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH 20% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 20% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT	Ban PCTT thôn có 7 người, trong đó có 2 nữ Lực lượng xung kích thôn có 3 người (nữ 0) Thôn có 1 loa cầm tay 80% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 80% người dân chủ động trong phòng, chống thiên tai	- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BĐKH Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản	Trung bình Thấp Trung bình Trung bình
	Thượng	272	- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có thành thạo các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH 25% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về	Ban PCTT thôn có 9 người, trong đó có 1 nữ Lực lượng xung kích thôn có 8 người (nữ 2) Thôn có 1 thuyền máy để cứu hộ Thôn có 1 loa cầm tay , 15 áo phao 75% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 80% người dân chủ động trong phòng,	- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BĐKH	Trung bình Thấp Trung bình Trung bình

		PCTT 20% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT	chống thiên tai	Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản	
Tiền	200	- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có thành thạo các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH 30% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 10% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT	Ban PCTT thôn có 11 người, trong đó có 2 nữ Lực lượng xung kích thôn có 12 người (nữ 2) Thôn có 1 thuyền máy để cứu hộ Thôn có 1 loa cầm tay , 15 áo phao 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 90% người dân chủ động trong phòng, chống thiên tai	- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản	Trung bình Thấp Trung bình Trung bình
Trung	286	- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có thành thạo các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH 20% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 20% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT	Ban PCTT thôn có 17 người, trong đó có 4 nữ Lực lượng xung kích thôn có 15 người (nữ 0) Thôn có 1 thuyền máy, 1 thuyền chèo để cứu hộ Thôn có 1 loa cầm tay , 4 áo phao 80% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 80% người dân chủ động trong phòng, chống thiên tai	- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản	Trung bình Thấp Trung bình Trung bình
Tây	300	- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có thành thạo các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH 40% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về	Ban PCTT thôn có 11 người, trong đó có 2 nữ Lực lượng xung kích thôn có 15 người (nữ 2) Thôn có 1 thuyền máy để cứu hộ Thôn có 1 loa cầm tay , 5 áo phao 60% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 90% người dân chủ động trong phòng,	- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH	Trung bình Thấp Trung bình Trung bình

		PCTT 10% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT	chống thiên tai	Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản	
Hà Thiệp	538	- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có thành thạo các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH 10% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 10% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT	Ban PCTT thôn có 13 người, trong đó có 3 nữ Lực lượng xung kích thôn có 7 người (nữ 0) Thôn có 1 thuyền máy, 4 thuyền chèo để cứu hộ Thôn có 1 loa cầm tay , 120 áo phao 90% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 90% người dân chủ động trong phòng, chống thiên tai	- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản	Trung bình Thấp Trung bình Trung bình
Trúc Ly	770	- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có thành thạo các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH 30% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 30% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT	Ban PCTT thôn có 23 người, trong đó có 11 nữ Lực lượng xung kích thôn có 15 người (nữ 3) Thôn có 1 thuyền máy, 3 thuyền chèo để cứu hộ Người dân có 350 ghe thuyền Thôn có 1 loa cầm tay , 30 áo phao 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 70% người dân chủ động trong phòng, chống thiên tai	- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản	Trung bình Thấp Trung bình Trung bình

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TU'BDKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BDKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

16. Giới trong PCTT và BĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt và Bão	Hữu Hậu	81	<ul style="list-style-type: none"> - 15 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia và vai trò quyết định phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm do nam giới mạnh hơn có nhiều kinh nghiệm hơn nên việc phòng chống thiên tai là của nam giới, phụ nữ lo việc gia đình; do nan giới trực tiếp làm nên có vai trò quyết định hơn - Lực lượng xung kích thôn không có nữ - 20% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 90 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - Có 2 nữ tham gia trong Ban PCTT thôn (2/7) 	<ul style="list-style-type: none"> Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới Ảnh hưởng đến tính mạng 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình Thấp
	Thượng	272	<ul style="list-style-type: none"> - 103 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%), vai trò quyết định (40%) do quan niệm do nam giới mạnh hơn có nhiều kinh nghiệm hơn nên việc phòng chống thiên tai là của nam giới, phụ nữ lo việc gia đình; Do nan giới trực tiếp làm nên có vai trò quyết định hơn - 25% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 85 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai, 40% nữ có vai trò quyết định trong công tác phòng chống thiên tai - Có 1 nữ tham gia trong Ban PCTT thôn (1/9) - Lực lượng xung kích thôn có 2 nữ 	<ul style="list-style-type: none"> Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới Ảnh hưởng đến tính mạng 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình Trung bình
	Tiền	200	<ul style="list-style-type: none"> - 44 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia và 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống 	<ul style="list-style-type: none"> Hư hại nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình

		<p>vai trò quyết định phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm do nam giới mạnh hơn có nhiều kinh nghiệm hơn nên việc phòng chống thiên tai là của nam giới, phụ nữ lo việc gia đình; do nam giới trực tiếp làm nên có vai trò quyết định hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 85 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 	<p>thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 nữ tham gia trong Ban PCTT thôn (2/11) - Lực lượng xung kích thôn có 2 nữ <p>- 70% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15 % phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng nhau quyết định, cùng hưởng lợi như nhau. 	<p>Bất bình đẳng giới</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
Trung	286	<ul style="list-style-type: none"> - 54 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (40%), vai trò quyết định (30%) do quan niệm do nam giới mạnh hơn có nhiều kinh nghiệm hơn nên việc phòng chống thiên tai là của nam giới, phụ nữ lo việc gia đình;. Do nam giới trực tiếp làm nên có vai trò quyết định hơn - Lực lượng xung kích thôn không có nữ - 20% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 95 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 	<ul style="list-style-type: none"> - 40 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai, 30% nữ có vai trò quyết định trong công tác phòng chống thiên tai - Có 4 nữ tham gia trong Ban PCTT thôn (4/17) <p>- 80% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 % phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng nhau quyết định, cùng hưởng lợi như nhau. 	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Bất bình đẳng giới</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
Tây	300	<ul style="list-style-type: none"> - 15 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%), vai trò quyết định (40%) do quan niệm do nam giới mạnh hơn có nhiều kinh nghiệm hơn nên việc phòng chống thiên tai là của nam giới, phụ nữ lo việc gia đình;. Do nam giới trực tiếp làm nên có vai trò quyết định hơn 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai, 40% nữ có vai trò quyết định trong công tác phòng chống thiên tai - Có 2 nữ tham gia trong Ban PCTT thôn (2/11) - Lực lượng xung kích thôn có 2 nữ 	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - 40% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 90 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 	<ul style="list-style-type: none"> - 60% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 10 % phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng nhau quyết định, cùng hưởng lợi như nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> Ảnh hưởng đến tính mạng 	Trung bình
Hà Thiệp	538	<ul style="list-style-type: none"> - 102 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (40%), vai trò quyết định (30%) do quan niệm do nam giới mạnh hơn có nhiều kinh nghiệm hơn nên việc phòng chống thiên tai là của nam giới, phụ nữ lo việc gia đình;. Do nan giới trực tiếp làm nên có vai trò quyết định hơn - Lực lượng xung kích thôn không có nữ - 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 90 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 	<ul style="list-style-type: none"> - 40 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai, 30% nữ có vai trò quyết định trong công tác phòng chống thiên tai - Có 3 nữ tham gia trong Ban PCTT thôn (3/13) 	<ul style="list-style-type: none"> Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình
		<ul style="list-style-type: none"> - 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 90 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 	<ul style="list-style-type: none"> - 90% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 10 % phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng nhau quyết định, cùng hưởng lợi như nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> Ảnh hưởng đến tính mạng 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình
Trúc Ly	770	<ul style="list-style-type: none"> - 163 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia và vai trò quyết định phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm do nam giới mạnh hơn có nhiều kinh nghiệm hơn nên việc phòng chống thiên tai là của nam giới, phụ nữ lo việc gia đình; do nan giới trực tiếp làm nên có vai trò quyết định hơn - 30% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 85 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - Có 11 nữ tham gia trong Ban PCTT thôn (11/23) - Lực lượng xung kích thôn có 3 nữ 	<ul style="list-style-type: none"> Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình
		<ul style="list-style-type: none"> - 30% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 85 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới 	<ul style="list-style-type: none"> - 70% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 15 % phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng nhau quyết định, cùng hưởng lợi như nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> Ảnh hưởng đến tính mạng 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình

....	Ghi chú khác
<p>Hướng dẫn điền Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13) Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực Giới trong Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH</u> mà xã/thôn đã có Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)</p>	

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUỖĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Trúc Ly	770	Có 5 cơ sở chế tác trầm ở trong vùng ngập lụt có cơ sở sản xuất thiếu kiên cố Có 19 cơ sở vừa chế tác trầm vừa sản xuất nhang ở trong vùng ngập lụt có cơ sở sản xuất thiếu kiên cố	Cơ xưởng ở ngay cạnh nhà ở, có 9 nhà ở cao tầng, 12 nhà ở kiên cố, 3 nhà bán kiên cố	Trầm bị trôi Nhang bị ướt, hư hại	Trung bình Trung bình
Bão	Trúc Ly	770	Có 5 cơ sở chế tác trầm ở trong vùng tác động của bão có cơ sở sản xuất thiếu kiên cố Có 19 cơ sở vừa chế tác trầm vừa sản xuất nhang ở trong vùng tác động của bão có cơ sở sản xuất thiếu kiên cố	Cơ xưởng ở ngay cạnh nhà ở, có 9 nhà ở cao tầng, 12 nhà ở kiên cố, 3 nhà bán kiên cố	Cơ sở sản xuất bị hư hại Nhang bị ướt, hư hại	Cao Trung bình

....	Ghi chú khác
<p>Hướng dẫn điền Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, B14), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13) Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực khác</u> mà xã/thôn đã có Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực khác</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực khác</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)</p>	

C. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên(*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTD	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
	Thiệt hại về nhà	- Nhà bán kiên cố, thiếu kiên	- Người dân không có điều	- Hỗ trợ vốn để xây dựng

1	(sập, tóc mái, hư hỏng)	<p>cổ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nằm trong vùng thấp trũng; - Nhà chưa được chằng chống; 	<p>kiện làm nhà;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ quan, chưa chủ động chằng chống; - Không biết kỹ thuật chằng chống; - Không có điều kiện chằng chống; 	<p>nhà an toàn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức về việc chằng chống nhà cửa; - Hỗ trợ kỹ thuật chằng chống nhà - Hỗ trợ nhân lực, vật lực cho các hộ gia đình không có điều kiện chằng chống;
2	Ô nhiễm môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Rác thải, xác động vật sau thiên tai lớn; - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không có hệ thống xử lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa hiểu rõ về vấn đề ô nhiễm môi trường; - Ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn kém; - Công tác xử lý rác thải, xác động vật sau thiên tai chưa được kịp thời. - Việc thu gom rác chưa kịp thời. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức cho người dân về việc bảo vệ môi trường; - Nâng cao kỹ thuật, nghiệp vụ trong chăn nuôi, bảo đảm vệ sinh môi trường; - Vệ sinh, tiêu độc khử trùng kịp thời sau thiên tai. - Đề nghị ban quản lý môi trường của huyện thu gom rác kịp thời trước lụt.
3	Đường sá hư hại	Đường đất thiếu kiên cố	Thiếu tu sửa, tôn tạo, tu bổ Chưa kiên cố, bê tông hóa	<p>Nâng cấp đường</p> <p>Bê tông hóa đường</p>
4	Điện hư hỏng	Hệ thống điện còn chưa kiên cố, xuống cấp	Do cột chưa được bền vững, cây đổ va đập thiếu chằng chéo.	<p>Bảo vệ hệ thống điện trước khi có bão</p> <p>Kiên cố hệ thống điện</p>
5	Nhà văn hóa bị hư hỏng	Nhà yếu, thiếu kiên cố, xây dựng lâu năm, xuống cấp	Thiếu kinh phí, nguồn vốn Chủ quan thiếu chằng chống	Kêu gọi đầu tư xây nhà văn hóa kiên cố
6	Thủy sản bị trôi	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ ao phần lớn nằm trong vùng thấp trũng, sát sông; - Hệ thống đê bao chưa đảm bảo; - Nuôi không đúng lịch thời vụ; - Chủ quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vì lợi nhuận, muốn bán trái vụ được giá nên không thu hoạch đúng mùa vụ; - Nuôi nhỏ lẻ nên chưa đầu tư vào kỹ thuật và công nghệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao kiến thức, nhận thức cho người dân về Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản và PCTT Chủ động kế hoạch nuôi và thu hoạch Nâng cấp hệ thống đê bao ao hồ
7	Lúa chết/ giảm năng suất	<p>Lúa ở vùng cao, ruộng bậc thang thiếu hệ thống thủy lợi</p> <p>Nằm trong vùng bị ảnh hưởng của rét</p> <p>Diện tích đất trồng lúa bị cát</p>	<p>Hệ thống kênh mương, cấp nước chưa đảm bảo, xuống cấp</p> <p>Bộ giống không chịu rét</p> <p>Do thời điểm gieo cấy thường trùng với các đợt rét xảy ra</p> <p>Thiếu áp dụng các biện pháp KHKT</p>	<p>Đầu tư xây dựng kênh mương để cấp nước chống hạn cho lúa.</p> <p>Cơ cấu bộ giống phù hợp, chịu rét</p> <p>Điều chỉnh lịch thời vụ thích nghi với thời tiết, khí hậu</p> <p>Áp dụng các biện pháp KHKT</p> <p>Trồng cây chắn cát</p>

		bay, cát lấp		Xây kè chắn cát
8	Thiệt hại về người	Người dân ở trong vùng tác động của bão, nhà cửa chưa an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; - Ý thức người dân còn chủ quan; - Chằng chống nhà trong lúc gió bão - Không đi sơ tán, không vào nơi trú ẩn an toàn, sợ mất thủy sản - Chưa có kiến thức về PCTT; - Công tác chỉ đạo của lãnh đạo ban PCTT còn thiếu cương quyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của người dân về PCTT; - Nâng cao năng lực cho Trang cấp thiết bị cứu hộ cứu nạn; - Củng cố, nâng cao năng lực cho BCH PCTT - Tổ chức sơ tán đến nơi an toàn.
9	Rau màu hư hại	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng thấp trũng; - Gieo trồng nhỏ lẻ, chưa đúng thời vụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân trồng nhỏ lẻ, lấy công làm lãi nên chưa mạnh dạn đầu tư vào kỹ thuật, công nghệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao kỹ thuật về sản xuất rau sạch; - Xây dựng các mô hình trồng rau sạch.
10	Gia súc, gia cầm chết	Hệ thống chuồng trại không đảm bảo	Không đầu tư chuồng trại Chủ quan.	Gia cố, xây dựng, nâng cấp chuồng trại.
Yêu cầu bắt buộc:	<i>Đưa ra 03 chỉ tiêu để tăng cường công tác giới và giảm rủi ro thiên tai và khí hậu tách biệt cho nam và nữ, trẻ em gái và trai trong vòng 5-10 năm tới tại xã</i>			
<i>Lưu ý khác:</i>				
<i>Hướng dẫn điền:</i>				

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (****)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Xây dựng NVH thôn kết hợp nơi tránh trú bão, lụt cộng đồng	7 thôn	Kêu gọi nhà nước, các tổ chức và người dân cùng tham gia xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh trú thiên tai.		x	Nhà nước, các tổ chức, các Dự án và người dân
	Tổ chức tốt việc sơ tán người dân đến nơi an toàn	Người dân 7 thôn Những người nuôi	BCH PCTT & TKCN xã, các thôn xây dựng phương án sơ tán dân cụ thể, chú ý đến các	x		BCH PCTT & TKCN xã, thôn

		trồng thủy sản	hộ nuôi thủy sản			Người dân
	Nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ tính mạng và tài sản	Người dân 7 thôn	Tập huấn, tuyên truyền về bảo vệ sức khỏe, tính mạng, thích ứng với biến đổi khí hậu, chú ý đến nâng cao kiến thức về PCTT cho phụ nữ	X		Nhà nước và các tổ chức xã hội Hội Phụ nữ
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái	Phụ nữ và trẻ em trai, trẻ em gái 7 thôn	Tập huấn về bơi lội cho phụ nữ và trẻ em		X	Các tổ chức, đoàn thể Trường học
Hạ tầng công cộng	Bảo vệ, kiên cố hóa đường giao thông	Người dân 7 thôn	- Tu sửa, nâng cấp đường - Bê tông hóa đường nội thôn	x		Người dân Nhà nước, nhân dân
	Bảo vệ hệ thống điện trước khi có bão	Người dân 7 thôn	Tuyên truyền vận động nhân dân phát quang cây cối để đảm bảo an toàn hành lang an toàn điện	x		Ngành điện Nhân dân
	Kiên cố hệ thống điện	Người dân 7 thôn	Xây dựng cột, dây điện kiên cố		x	Nhà nước Ngành điện Nhân dân
	Xây dựng NVH thôn kiên cố	7 thôn	Vận động, xây dựng NVH thôn kiên cố vừa là nơi tránh trú bão		x	Nhà nước Nhân dân Dự án
Công trình thủy lợi	Nâng cấp hệ thống kênh mương thủy lợi	Người trồng trọt các thôn	Tu sửa, nâng cấp, kiên cố hóa kênh mương		x	Nhà nước HTX Nhân dân
	Chống xói lở dọc theo sông	Người dân các thôn	Đề xuất tiếp tục xây 4,3 km kè còn lại dọc theo bờ sông		x	Nhà nước
	Chống cát bay, cát lấp	Các thôn Hữu Hậu, Thượng, Hà Thiệp	Đề xuất xây 4km kè dọc các khe để chống cát lấp ruộng Trồng cây		x	Nhà nước
Nhà ở	Hỗ trợ nguồn lực, cho các hộ khó khăn, hộ có phụ nữ làm chủ hộ không có điều kiện chằng chống nhà cửa	Các hộ nghèo, neo đơn, phụ nữ làm chủ hộ của 7 thôn;	Thành lập các đội xung kích giúp đỡ các hộ nghèo, neo đơn, phụ nữ làm chủ hộ chằng chống nhà cửa trước bão	x		Nhà nước Các đoàn thể

	- Hỗ trợ nguồn vốn để người dân xây dựng nhà ở an toàn	- Các hộ nghèo, hộ phụ nữ làm chủ hộ có nhà ở đơn sơ, thiếu kiên cố ở 7 thôn;	Vận động, hỗ trợ, vay vốn cho các hộ gia đình nghèo, phụ nữ làm chủ hộ có nhà đơn sơ, thiếu kiên cố xây dựng nhà an toàn		x	Nhà nước, các tổ chức, Dự án và người dân
	- Nâng cao nhận thức, năng lực cho người dân về bảo vệ, chăm sóc nhà cửa.	Người dân 7 thôn	Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ nhà cửa, kỹ năng chống chòng nhà cửa	x		Nhà nước Các tổ chức
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	- Nâng cao nhận thức cho người dân về việc bảo vệ môi trường;	Người dân 7 thôn	Tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân	x		Nhà nước Các đoàn thể
	- Nâng cao kỹ thuật, nghiệp vụ trong chăn nuôi, bảo đảm vệ sinh môi trường;	Các hộ chăn nuôi	Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, xây dựng chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường	x		Nhà nước Các đoàn thể
	- Vệ sinh, tiêu độc khử trùng kịp thời sau thiên tai.	Người dân 7 thôn	Kịp thời tổ chức thu dọn vệ sinh sau thiên tai, tiêu độc khử trùng	x		Trạm Y tế Các đoàn thể Nhân dân
	- Đề nghị ban quản lý môi trường của huyện thu gom rác kịp thời trước lụt	Người dân 7 thôn	Có tờ trình đề nghị BQL môi trường huyện chuyên chở hết rác trước mùa thiên tai	x		Nhà nước
Y tế và quản lý dịch bệnh	Quản lý dịch bệnh	Người dân 7 thôn	Kịp thời ngăn chặn dịch bệnh phát sinh, tiêu độc khử trùng	x		Y tế Người dân
Giáo dục						
Rừng						
Trồng trọt	Cơ cấu bộ giống phù hợp, chịu rét	Người trồng trọt 7 thôn	Nghiên cứu, chọn giống lúa chịu được hạn, rét, thích ứng với thời tiết, khí hậu		x	Nhà nước HTX
	Điều chỉnh lịch thời vụ thích nghi với	Người trồng trọt 7	Xây dựng, điều chỉnh lịch thời vụ thích ứng	x		HTX Tổ

	thời tiết, khí hậu	thôn	với thời tiết, khí hậu			Hợp tác
	Áp dụng các biện pháp KHKT	Người trồng trọt 7 thôn	Tập huấn, cung cấp kiến thức KHKT vào trồng trọt, chống rết cho người dân	x		Các đoàn thể HTX
	Xây dựng các mô hình trồng rau sạch.	Người trồng trọt 7 thôn, phụ nữ	Xây dựng và nhân rộng các mô hình trồng rau sạch	x		Các đoàn thể HTX
Chăn nuôi	Gia cố, xây dựng, nâng cấp chuồng trại.	Người chăn nuôi các thôn	Tu sửa, gia cố, nâng cấp chuồng trại an toàn cho gia súc, gia cầm	x		Nhân dân
Thủy sản	- Nâng cao kiến thức, nhận thức cho người dân về Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản và PCTT	Người nuôi trồng thủy sản	Tập huấn nâng cao kiến thức KT về nuôi thủy sản, nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai	x		Nhà nước Các đoàn thể
	Chủ động kế hoạch nuôi và thu hoạch	Người nuôi trồng thủy sản	Xây dựng kế hoạch nuôi, chủ động thu hoạch để hạn chế thiệt hại. Có biện pháp phòng chống trước mùa bão lũ.	x		Người nuôi trồng thủy sản
	Nâng cấp hệ thống đê bao ao hồ	Người nuôi trồng thủy sản	Đầu tư vốn để nâng cao đê bao quanh hồ.		x	Người nuôi trồng thủy sản
Du lịch						
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác						
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Đảm bảo thông tin, cảnh báo thiên tai đến người dân	Người dân 7 thôn	- Tu sửa, xây dựng lại hệ thống truyền thanh của xã có hệ thống loa phủ khắp các thôn	x		Nhà nước
			- Mua sắm máy phát điện dự phòng ở các thôn	x		Nhà nước, các thôn
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Nâng cao năng lực cho BCH PCTT và TKCN xã, thôn	BCH PCTT &TKCN xã, thôn	Tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực về công tác phòng chống thiên tai, thích ứng BĐKH cho cán bộ BCH PCTT&TKCN xã, các thôn	x		Nhà nước

	Nâng cao năng lực cho lực lượng cứu hộ xã, thôn	Lực lượng cứu hộ xã, thôn, người dân các thôn	Củng cố các đội xung kích cứu hộ các thôn Tập huấn kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ xã, thôn	x x		Nhà nước, Các thôn Các tổ chức, đoàn thể
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Nâng cao kiến thức và nhận thức về giới cho cán bộ và người dân	Người dân cả nam và nữ	Tuyên truyền, tập huấn về bình đẳng giới cho cả nam và nữ	x		Nhà nước Các tổ chức
	Phát huy vai trò của phụ nữ trong BCH PCTT & TKCN, lực lượng xung kích cứu hộ các cấp	Phụ nữ	Nâng cao vị trí, vai trò của phụ nữ trong BCH PCTT & TKCN, lực lượng xung kích cứu hộ xã, các thôn	x		Nhà nước BCH PCTT Các thôn Phụ nữ
	Phát huy vai trò giới trong công tác phòng chống thiên tai	Nữ giới	Tăng cường sự tham gia và vai trò của nữ giới trong quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng	x		Nhà nước Các tổ chức
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho phụ nữ và trẻ em nữ	Phụ nữ và trẻ em gái các 7 thôn	Tập bơi cho phụ nữ và trẻ em gái		x	Nhà nước Các tổ chức Gia đình Dự án
	Hỗ trợ cho gia đình các phụ nữ khó khăn trong xây dựng, bảo vệ nhà và bảo vệ tính mạng	Phụ nữ khó khăn, chủ gia đình	Các tổ chức, lực lượng trợ giúp các gia đình có phụ nữ làm chủ hộ trong việc vắng chồng nhà, tổ chức sơ tán Hỗ trợ để các hộ phụ nữ làm chủ hộ nghèo có nhà đơn sơ, thiếu kiên cố xây dựng nhà an toàn	x		Các tổ chức, đoàn thể Các tổ chức, đoàn thể, Dự án

Lưu ý khác

Hướng dẫn điền:

- (*) Dựa trên kết quả của bảng D1. Không nhất thiết phải đưa vào báo cáo nếu không phải là vấn đề ưu tiên của cộng đồng
- (**) Cho cả khía cạnh vật chất, tổ chức thể chế xã hội và nhận thức kinh nghiệm
- (***) Bắt buộc phải đưa vào phân tích
- (****) Tóm tắt các đề xuất đối với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan để có sự hỗ trợ và hợp tác cụ thể

3. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

Nhất trí với bản dự thảo báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu, thêm một số ý kiến:

- Các thôn Hà Thiệp, Hữu Hậu, Tiên, Thượng, Tây, Trung trồng lúa ở khu vực ông Đồng (127ha) thuộc địa phận xã Gia Ninh và thôn Trúc Ly sản xuất ở khu vực vùng Đầm (27ha) thuộc xã Hàm Ninh;

- Lũ ống tấp hậu từ phía sau các đồi cát, các thôn dọc đồi cát bị cát lấn đất sản xuất nhưng bị nặng nhất ở khu vực Hà Thiệp (từ khe ông Ứng) và thôn Thượng, Hữu Hậu (từ khe Dinh Thủy);

=> Giải pháp: trồng cây chắn cát và kè bê tông ở các khe trên.

- Đoạn kè trung thủy nông dọc sông Nhật Lệ mới xây mới được 700m (đoạn qua thôn Trúc Ly năm 2014), và sửa chữa một số đoạn ở đoạn qua thôn Hà Thiệp (2016) => đề nghị nhà nước bố trí vốn tiếp tục hoàn thiện đoạn còn lại của tuyến kè (4,3km).

* Các đề xuất khác:

- Tập huấn nâng cao kỹ năng và năng lực về PCTT cho cán bộ cũng như người dân.
- Hỗ trợ kinh phí cho người dân nghèo xây nhà an toàn, hỗ trợ nguồn vốn cho người dân sản xuất;
- Nâng cao năng lực, hỗ trợ nguồn lực cho người dân trong SXKD nhằm thích ứng với BĐKH.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã
(đã ký)**

D. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Đơn vị
1	Nguyễn Văn Dân	x		Phó CT UBND xã
2	Phạm Xuân Thiết	x		CT hội Nông dân
3	Từ Ngọc Tâm	x		Phó chỉ huy quân sự
4	Lê Thế Lực	x		Phó CT hội Nông dân
5	Phạm Thị Lam		x	Phó CT hội Phụ nữ
6	Nguyễn Thị Dương		x	Cán bộ thống kê
7	Nguyễn Thị Thanh Giang		x	Cán bộ VH-XH
8	Đoàn Hồng Thụ	x		CT hội Cựu chiến binh
9	Lê Quang Cảnh	x		CB Địa chính xây dựng
10	Nguyễn Công Lý	x		Bí thư đoàn xã

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

LỊCH SỬ THIÊN TAI

Năm/Tháng	Thiên Tai	Đặc điểm, xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì	Tại sao bị thiệt hại	Đã làm gì để giảm nhẹ
9/2017	Bão	Gió giật mạnh cấp 11,12, giật cấp 15, kéo dài 2 giờ	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - Có 5 người bị thương, trong đó: thôn Trúc Ly 3 người (1 nam, 2 nữ), thôn Thượng 1 người (nam), thôn Trung 1 người (nữ); - Có 3 nhà bị sập (Trúc Ly: 2 nhà, Thượng: 1 nhà); có 17 nhà sập mái hiên (Trúc Ly); - Thôn Trúc Ly có 300 nhà tốc mái, thôn Hà Thiệp có 172 nhà tốc mái, thôn Tiền, Thượng, Trung, Tây, Hữu Hậu có 60% nhà tốc mái (kể cả trường học, trạm y tế, nhà văn hóa các thôn); - Thôn Trúc Ly có 2 trường học bị tốc mái; 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố ở các thôn còn nhiều; - Một số người dân chủ quan chưa chủ động công tác phòng tránh, sơ tán (30%), đến khi bão xảy ra đã bị thương khi đi chằng chống, bị mái hiên sập xuống; - Các hộ gia đình có các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa được kiên cố, đa số là làm bằng mái tôn, được thưng bằng tôn nên dễ bị tốc; - Có một số hộ già cả neo đơn, thiếu nhân lực để chằng 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong xã có những nhà kiên cố, có các công trình công cộng kiên cố có thể làm điểm sơ tán; - Đa số người dân chủ động phòng tránh (70%); - Ban PCTT từ xã đến thôn kịp thời thông báo, xử lý và kêu gọi người dân chủ động phòng tránh, trực tiếp chỉ đạo phương án ứng phó cũng như khắc phục sau bão;

				<ul style="list-style-type: none"> - Thôn Trúc Ly có 6 xưởng mộc bị sập, 6 cơ sở làm trầm hương bị hư hỏng, 3 máy xay xát bị hư hỏng; - Thôn Hà Thiệp có 2 trường học bị tốc mái, 500m đường liên thôn bị hư hỏng; bị gãy 5 cột điện; - Có 26,9 ha rừng bị gãy đổ, trong đó: Trúc Ly: 2ha, Hà Thiệp: 12,5ha, các thôn còn lại: 12,4 ha; - Thôn Trúc Ly có 3 ha cây ăn quả bị gãy đổ; Thôn Hà Thiệp có 2ha cây ăn quả bị gãy; - Thôn Hà Thiệp có 2,5ha đất trồng lúa bị cát lún (cát lún); - Thôn Trúc Ly có 27ha hồ nuôi thủy sản bị thiệt hại, 47 lồng cá bị trôi; - Thôn Hà Thiệp thiệt hại 12ha rau màu; các thôn Tiên, Tây, Trung, Thượng, Hậu bị thiệt hại 10,76ha màu; - Thôn Trúc Ly bị hư hỏng 300m kênh mương, lương thực bị ướt 15 tấn; gia cầm chết 3700 con; Cơ sở buôn bán tạp hóa bị ướt; - Thôn Hà Thiệp có 3700 con gia súc, gia cầm bị chết; 28 trại tôm, cá bị sập; - Thôn Hà Thiệp có 300m³ đê bao nuôi trồng thủy sản bị sạt lở; - Thôn Hà Thiệp có 11 cơ sở sản xuất bị hư hỏng, trong đó: Quán tạp hóa: 5, Đầm xay xát: 3, cơ sở XD: 2; 	<p>chống;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi gia súc gia cầm chủ yếu nuôi nhỏ lẻ, người dân chưa đầu tư về chuồng trại; - Các hộ trồng màu với phương châm lấy công làm lãi và để phục vụ nhu cầu trong gia đình nên chưa đầu tư cơ sở cũng như công nghệ; - Diện tích trồng rừng sản xuất ở xã nhỏ, người dân chủ yếu trồng các cây dễ gãy (keo, tram, bạch đàn...) nên khi bão xảy ra đã bị thiệt hại; 	
10/2016	Lụt	Mưa lớn dài	Toàn xã	+ Thôn Trúc Ly: - Có 01 người chết (nữ); 03	- Thôn Trúc Ly nằm ở vùng thấp	- Cổng Trúc Ly (5 cửa) hoạt động

	<p>ngày, mực nước lên nhanh, chảy xiết ở thôn Trúc Ly, Hà Thiệp; Các thôn Tây, Thượng, Hậu, Tiên, Trung nằm ở địa thế cao hơn nên bị tác động có ít hơn.</p>		<p>người bị thương (2nam, 1 nữ);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 370 nhà bị ngập; - Có 3000m tường rào sập; - Có 15 cơ sở SXKD bị thiệt hại (6 xưởng mộc, 6 cơ sở làm trầm cảnh, 3 điểm xay xát); - Lương thực thực phẩm bị ướt 10 tấn; - Kênh mương hư hỏng 700m; - Gia súc gia cầm chết, trôi 5000 con; - Cây ăn quả bị thiệt hại 1ha; <p>+ Thôn Hà Thiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà bị ngập 150 hộ, tường rào sập 150m; - Có 7 cơ sở sản xuất KD bị hư hỏng (Trang trại 1, xưởng mộc 2, điểm xd 3, cơ sở xay xát 1); - Đường giao thông hư hỏng 460m; - Kênh mương bị hư hỏng 500m; - Ruộng lúa bị cát lấp 2ha; - Cây ăn quả bị gãy đổ 1,5ha; - Thủy sản bị thiệt hại 28,9ha; <p>+ Thôn Tiên, Hậu, Tây, Trung, Thượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 77ha ao hồ nuôi trồng thủy sản bị cuốn trôi; - Diện tích ao hồ bị cát lấp 3ha; - Rau màu bị ngập úng 27ha; - Gia súc, gia cầm trôi, chết 15000 con; 	<p>trũng nhất ở xã, đây là chỗ tập trung nước của các vùng Duy Ninh, Hàm Ninh đổ về để thoát ra sông Nhật Lệ, đến mùa lũ lụt thì lượng nước đổ về lớn trong khi chỉ có được 01 cống Trúc Ly (5 cửa), lượng nước thoát ra sông không kịp dẫn đến nước ngập toàn thôn, cô lập với bên ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn Hà Thiệp có diện tích trồng lúa ở vùng trũng, còn người dân đa số ở vùng cao hơn. Phía đồi cát ở sau thôn có bầu Sùng, đến mùa mưa lượng nước ở các đồi cát tập trung về đây, đây là bầu nước tự nhiên, đê bao chưa được kiên cố, hệ thống tiêu thoát nước của bầu không hiệu quả nên nước tràn qua đê, một số đoạn đê bị vỡ, nước xả thẳng trực tiếp về thôn gây thiệt hại lớn; - Thôn Thượng, Hậu có khe Dinh Thủy tiêu thoát nước khi mùa mưa lũ, hệ thống kè chưa được kiên cố nên một số đoạn cục bộ bị hư hỏng; - Một số người dân ý thức về việc phòng chống còn kém (30%); - Một số người dân đi làm nghề đánh bắt thủy sản trong lụt, chủ yếu là ở thôn Trúc Ly, có 8 	<p>tốt;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đê kè dọc sông Nhật Lệ đã được nâng cấp, sửa chữa ở một số đoạn: Năm 2014 đã kiên cố hóa 700m kè đoạn qua thôn Trúc Ly (tổng chiều dài 2,2km), có bố trí 2 cống điều tiết; Năm 2015 Sửa chữa một số đoạn kè hư hỏng và nâng cấp 1 cống điều tiết của kè Nhật Lệ đoạn qua thôn Hà Thiệp (tổng chiều dài 2,7km); - Đa số người dân có ý thức, chủ động tốt trong công tác phòng chống thiên tai (70%); - Khi hồ bầu Sùng (thôn Hà Thiệp) bị vỡ đê, ban PCTT từ xã đến thôn đã huy động các ban ngành đoàn thể cùng người dân, huy động máy móc, dụng cụ trong dân đi xử lý, gia cố các đoạn đê bị vỡ; - Khe Dinh Thủy (qua thôn Thượng, Hậu) đã được kè đá 200m (đoạn gần cầu Dinh Thủy); - Ban PCTT từ xã đến thôn hoạt động hiệu quả, kịp thời khi có thiên tai xảy ra, điều động kịp
--	--	--	--	---	--

					<p>hộ (14 người) ở Trúc Ly đi đánh bắt bị mắc kẹt khi lụt xảy ra;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 14 hộ nuôi trồng thủy sản trên sông (thôn Trúc Ly) đã ở lại để ứng phó khi lụt xảy ra; - Hệ thống đê bao ở sông Nhật Lệ đã xuống cấp, cụ thể: ở thôn Trúc Ly còn 1700m chưa được nâng cấp, thôn Hà Thiệp tuyến đê dài 2700m (mới được sửa chữa một số đoạn); - Thôn Trúc Ly mật độ dân cư lớn, địa bàn lại nằm ở vùng trũng, có 520 nhà thấp (chưa nâng móng), hệ thống công thoát nước qua đường liên xã (đường Võ-Hàm-Duy Ninh) bố trí không đủ dẫn đến ngập úng cục bộ ở một số điểm; 	<p>thời nguồn lực, phương tiện ở trong dân để khắc phục sự cố nếu có;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đã chủ động gia cố chuồng trại, sơ tán gia súc, gia cầm và tài sản đến nơi an toàn; - Thôn Trung có 41 hộ, thôn Tiên 24 hộ, thôn Thương 7 hộ, thôn Tây 16 hộ nằm ở vùng cao (sát đồi cát) là nơi di dời của các hộ dân trong thôn khi lụt xảy ra;
--	--	--	--	--	---	--

Tổng hợp rủi ro thiên tai

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực	Rủi ro thiên tai
Lụt	<ul style="list-style-type: none"> - Mưa lớn kéo dài ngày, nước lên nhanh, chảy xiết; - Có xu hướng vượt lũ lịch sử. 	<p>ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1683 hộ, 6644 người ở trong vùng ngập lụt (Hữu Hậu 10 hộ, 25 người; Thượng 242 hộ, 959 người; Tiên 164 hộ, 698 người; Trung 245 hộ, 931 người; Tây 190 hộ, 650 người; Hà Thiệp 62 hộ, 285 người; Trúc Ly 770 hộ, 3096 người). Trong đó: + Có 1179 hộ, 4821 người ở trong vùng ngập sâu (Thượng 50 hộ, 200 	<p>ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 298 nhà cao tầng (Hữu Hậu 12; Thượng 50; Tiên 24; Trung 67; Tây 35; Hà Thiệp 50; Trúc Ly 60); - Có 401 hộ có thuyền (Thượng 7; Tiên 40; Hà Thiệp 4; Trúc Ly 350); - Có 185 hộ có áo phao (Thượng 15; Trung 20; Hà Thiệp 120; 	<p>ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiệt hại về người; - Nhà sập, tốc mái, hư hỏng; - Hạ tầng công cộng bị hư hỏng.

	<p>người; Tiền 164 hộ, 698 người; Trung 245 hộ, 931 người; Tây 190 hộ, 650 người; Hà Thiệp 25 hộ, 112 người; Trúc Ly 505 hộ, 2230 người);</p> <p>+ Có 165 hộ, 626 người ở trong vùng ven sông (Tây 18 hộ, 32 người; Hà Thiệp 2 hộ, 9 người; Trúc Ly 145 hộ, 585 người);</p> <p>- Có 0,862 km đường xã là đường đất chưa được kiên cố hóa (Trung 325m; Tiền 537m);</p> <p>- Có 2,07 km đường thôn là đường đất chưa được kiên cố hóa (Trung 0,42km; Hà Thiệp 0,85km; Trúc Ly 0,8km);</p> <p>- Có 27,4 km đường giao thông nội đồng là đường đất chưa được kiên cố hóa (Hữu Hậu 0,3 km; Tiền 2 km; Trung 4,6 km; Hà Thiệp 8,5 km; Trúc Ly 12 km);</p> <p>- Khoảng 59% người dân chưa biết bơi (trong đó chủ yếu là phụ nữ và trẻ em);</p> <p>- Có khoảng 20% hộ dân chưa chấp hành việc sơ tán trước khi lụt;</p> <p>- Một số người dân còn thiếu kinh nghiệm trong công tác phòng tránh lụt (25%).</p> <p>SXKD:</p> <p>- Có 199,2 ha đất trồng lúa ở trong vùng thường bị ngập úng (Hữu Hậu 4,5ha; Thượng 23,2ha; Tiền 23,7ha; Trung 30,8ha; Tây 32ha; Hà Thiệp 68ha; Trúc Ly 17ha);</p> <p>- Có 61,33 ha đất trồng màu ở trong vùng thường bị ngập úng (Hữu Hậu 5ha; Thượng 5ha; Tiền 4ha; Trung 7,33ha; Tây 5ha; Hà Thiệp 23ha; Trúc Ly 12ha);</p> <p>- Các thôn Hà Thiệp, Hữu Hậu,</p>	<p>Trúc Ly 30);</p> <p>- Địa bàn xã có đường QL1A đi qua (4km), và có tuyến đường tránh QL1A đi qua (2km), đây là tuyến đường có thể làm đường cứu hộ cứu nạn khi thiên tai xảy ra;</p> <p>- Có 2,625 km đường giao thông liên xã đã được bê tông hóa (Trung 0,625km; Trúc Ly 2km);</p> <p>- Có 14,755 km đường thôn đã được bê tông hóa (Hữu Hậu 0,86 km; Tiền 3,337km; Trung 3,57km; Hà Thiệp 0,988km; Trúc Ly 6km);</p> <p>- Các thôn có thành lập các tiểu ban PCTT dưới sự chỉ đạo của ban chỉ đạo PCTT cấp xã; Cơ cấu của các ban PCTT của thôn như sau: Hữu Hậu: 5 nam, 2 nữ; Thượng: 8 nam, 1 nữ; Tiền: 9 nam, 2 nữ; Trung: 13 nam, 4 nữ; Tây: 9 nam, 2 nữ; Hà Thiệp: 10 nam, 3 nữ; Trúc Ly: 12 nam, 11 nữ;</p> <p>- Ở các thôn có thành lập các lực lượng xung kích sẵn sàng cứu hộ cứu nạn khi lụt xảy ra, cụ thể: Hữu Hậu: 3 nam; Thượng: 6 nam, 2 nữ; Tiền: 10 nam, 2 nữ; Trung: 15 nam; Tây: 13 nam, 2 nữ; Hà Thiệp: 7 nam; Trúc Ly: 12 nam, 3 nữ;</p> <p>- Các ban PCTT của thôn có thể điều động được những thiết bị cứu hộ cứu nạn của thôn và ở trong dân sẵn sàng phục vụ cho công tác PCTT, cụ thể: Hữu Hậu: 1 loa cầm tay; Thượng: 1 thuyền máy, 6 thuyền chèo, 1 loa cầm tay, 15 áo phao; Tiền: 1 thuyền máy, 40 thuyền chèo, 1</p>	
--	---	--	--

	<p>Thượng, Trung giáp với các đồi cát, người dân trồng cây chắn cát nhưng chưa đảm bảo, khi vào mùa lụt nước đưa cát từ các khe tràn vào đất sản xuất của người dân, đặc biệt khe Dinh Thủy (Thượng, Hữu Hậu) nước chảy mạnh đưa cát từ đồi về lán đất ở, đất sản xuất của người dân;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 343 con trâu/bò được nuôi trong vùng ngập lụt (Hữu Hậu 0 con; Thượng 10 con; Tiền 70 con; Trung 45 con; Tây 28 con; Hà Thiệp 84 con; Trúc Ly 106 con). Trong đó có 26 hộ nuôi trâu/bò có chuồng trại chưa an toàn (Hữu Hậu 0; Thượng 1; Tiền 2; Trung 3; Tây 0; Hà Thiệp 7; Trúc Ly 13); - Có 604 hộ nuôi lợn trong vùng ngập lụt (Hữu Hậu 7; Thượng 80; Tiền 135; Trung 80; Tây 170; Hà Thiệp 62; Trúc Ly 70). Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Có 2467 con lợn được nuôi trong vùng bị ngập lụt (Thượng 300; Tiền 405; Trung 800; Tây 470; Hà Thiệp 102; Trúc Ly 250); - Có 1575 hộ nuôi gia cầm trong vùng ngập lụt (Hữu Hậu 60; Thượng 50; Tiền 145; Trung 100; Tây 250; Hà Thiệp 400; Trúc Ly 570). Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Có 31450 con gia cầm được nuôi trong vùng ngập lụt (Thượng 1100; Tiền 850; Trung 4000; Tây 3500; Hà Thiệp 15000; Trúc Ly 5000); + Có 160 hộ nuôi gia cầm thả rong (Hữu Hậu 10; Thượng 0; Tiền 40; Trung 60; Tây 0; Hà Thiệp 50; Trúc Ly 0); - Có 110,4 ha hồ nuôi cá nằm ở vùng thấp (Hữu Hậu 7; Thượng 11,5; Tiền 14; Trung 20,6; Tây 	<p>loa cầm tay, 15 áo phao; Trung: 1 thuyền máy, 1 thuyền chèo, 1 loa cầm tay, 4 áo phao; Tây: 1 thuyền máy, 1 loa cầm tay, 5 áo phao; Hà Thiệp: 1 thuyền máy, 4 thuyền chèo, 1 loa cầm tay, 120 áo phao; Trúc Ly: 140 thuyền máy, 230 thuyền chèo, 30 áo phao, 1 loa cầm tay;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 41% người dân biết bơi (đa số là đàn ông trưởng thành); - Người dân đa số có kinh nghiệm, kiến thức về phòng tránh lụt (75%); - Có khoảng 80% hộ dân có ý thức chấp hành việc sơ tán trước khi lụt; - Có khoảng 95% hộ dân chủ động dự trữ lương thực trong mùa thiên tai. <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn xã có 9 máy cày (Hữu Hậu 0; Thượng 3; Tiền 0; Trung 1; Tây 1; Hà Thiệp 2; Trúc Ly 2); - Có 4 máy gặt (Hữu Hậu 0; Thượng 1; Tiền 2; Trung 0; Tây 1; Hà Thiệp 0; Trúc Ly 0); - Có 8 trạm bơm (Hữu Hậu 0; Thượng 0; Tiền 1 trạm bơm tưới; Trung 0; Tây 1 trạm bơm tưới; Hà Thiệp 1 trạm bơm tiêu, 1 trạm bơm tưới; Trúc Ly 4 trạm bơm cả tiêu và tưới); - Có 95 con trâu/bò có chỗ trú ẩn lụt an toàn (Hữu Hậu 15 con; Thượng 0 con; Tiền 0 con; Trung 45 con; Tây 28 con; Hà Thiệp 7 con; Trúc Ly 11 con); - Có 146 hộ nuôi trâu/bò có chuồng trại an toàn (Hữu Hậu 	<p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa chết/giảm năng suất; - Rau màu bị ngập úng; - Gia súc, gia cầm bị trôi, chết; - Thủy sản bị trôi; - Cây lâm nghiệp, cây ăn quả bị gãy, đổ; - Tài sản bị ướt, hư hỏng; - Cát lán đất sản xuất; - Công trình thủy lợi bị hư hỏng.
--	---	--	--

	<p>19,8; Hà Thiệp 10,5; Trúc Ly 27);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 43,9 ha nuôi tôm nằm ở vùng thấp (Hữu Hậu 0; Thượng 0; Tiền 0; Trung 0; Tây 0; Hà Thiệp 13,9; Trúc Ly 30); - Có 378 thuyền tham gia đánh bắt thủy sản (chủ yếu các thôn ở gần sông Kiến Nhật Lệ, thường đánh bắt trong mùa mưa lũ) (Trung 24 thuyền; Hà Thiệp 4 thuyền; Trúc Ly 350 thuyền); Trong đó: + Có 709 người dân tham gia đánh bắt thủy sản ở trên sông (Trung 48 người; Tây 3 người; Hà Thiệp 8 người (2 nữ); Trúc Ly 650 người (400 nữ); - Có 47 lồng cá được nuôi ở trên sông (Thôn Trúc Ly); - Chủ yếu các hộ dân chăn nuôi, trồng trọt theo mô hình nhỏ lẻ, tự phát nên chưa đầu tư vào kỹ thuật và công nghệ; - Có khoảng 20% người dân chưa có kiến thức về chăn nuôi. <p>SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 134 hộ còn sử dụng nhà vệ sinh tạm (Hữu Hậu 5; Thượng 43; Tiền 0; Trung 4; Tây 12; Hà Thiệp 20; Trúc Ly 50); - Có 26 hộ không có nhà vệ sinh (Hữu Hậu 0; Thượng 0; Tiền 0; Trung 0; Tây 0; Hà Thiệp 6; Trúc Ly 20); - Có 134 hộ ở thôn Hà Thiệp dùng nước tự chảy ở đồi cát; - Có 90% hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình; - Khoảng 22% người dân không có ý thức bảo vệ môi trường; - Khoảng 16% người dân không có 	<p>10; Thượng 10; Tiền 11; Trung 10; Tây 6; Hà Thiệp 18; Trúc Ly 81);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 251 hộ nuôi lợn có chuồng cao an toàn (Hữu Hậu 50; Thượng 20; Tiền 40; Trung 64; Tây 20; Hà Thiệp 47; Trúc Ly 10); - Có 1415 hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới (Hữu Hậu 50; Thượng 50; Tiền 105; Trung 40; Tây 250; Hà Thiệp 350; Trúc Ly 570); - Khoảng 80% người dân có kiến thức về chăn nuôi. <p>SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1994 hộ còn sử dụng nhà vệ sinh hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại) (Hữu Hậu 74; Thượng 220; Tiền 200; Trung 282; Tây 240; Hà Thiệp 498; Trúc Ly 480); - Có 2434 hộ dùng nước hợp vệ sinh (Hữu Hậu 81; Thượng 263; Tiền 200; Trung 286; Tây 296; Hà Thiệp 538; Trúc Ly 770); - Có 561 hộ có bể chứa nước (Thượng 111; Trung 150; Tây 300); - Ở các thôn có các tổ thu gom rác, cụ thể: Hữu Hậu 01 tổ; Thượng 01 tổ; Tiền 01 tổ; Trung 01 tổ; Tây 01 tổ; Hà Thiệp 02 tổ; Trúc Ly 01 tổ; - Có 10% hộ dân có tủ thuốc gia đình; - Hàng tháng ở các thôn tổ chức vệ sinh môi trường, cụ thể: Hữu Hậu 1 lần/tháng; Thượng 2 lần/tháng; Tiền 2 lần/tháng; Trung 2 lần/tháng; Tây 2 lần/tháng; Hà Thiệp 2 lần/tháng; 	<p>SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường; - Dịch bệnh ở người; - Thiếu nước sinh hoạt.
--	---	---	--

		<p>kiến thức về bảo vệ sức khỏe;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 14% người dân chưa có thẻ bảo hiểm y tế. 	<p>Trúc Ly 2 lần/tháng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 78% người dân có ý thức về bảo vệ môi trường; - Khoảng 84% người dân có kiến thức về bảo vệ sức khỏe; - Có 86% người dân có thẻ bảo hiểm y tế. 	
Bão	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều cơn bão - Kèm theo mưa lớn. 	<p>ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2447 hộ, 9783 người ở trong vùng tác động của bão (Hữu Hậu 81 hộ, 338 người; Thượng 272 hộ, 1150 người; Tiền 200 hộ, 809 người; Trung 286 hộ, 1111 người; Tây 300 hộ, 1204 người; Hà Thiệp 538 hộ, 2075 người; Trúc Ly 770 hộ, 3096 người). Trong đó: + Có 8 nhà đơn sơ (Hữu Hậu 0; Thượng 0; Tiền 0; Trung 0; Tây 5; Hà Thiệp 3; Trúc Ly 0); + Có 302 nhà thiếu kiên cố (Hữu Hậu 4; Thượng 17; Tiền 10; Trung 48; Tây 90; Hà Thiệp 43; Trúc Ly 90); + Có 1228 nhà bán kiên cố (Hữu Hậu 34; Thượng 157; Tiền 137; Trung 108; Tây 150; Hà Thiệp 332; Trúc Ly 310); - Có 5 nhà văn hóa thôn đã xuống cấp (Tiền, Trung, Tây, Hà Thiệp, Trúc Ly); - Có 225 cột điện và 1,12 km dây điện chưa kiên cố (Hữu Hậu 0 cột, 0km; Thượng 0 cột, 0km; Tiền 0 cột, 0km; Trung 0 cột, 0,8km; Tây 0 cột, 0km; Hà Thiệp 9 cột, 0,32km; Trúc Ly 216 cột, 0km); - Khoảng 20% hộ gia đình chưa chủ động chằng chống nhà cửa khi có bão; - Một số người dân còn chủ quan, 	<p>ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 751 nhà kiên cố (Hữu Hậu 36; Thượng 89; Tiền 53; Trung 130; Tây 35; Hà Thiệp 158; Trúc Ly 250); - Trên địa bàn xã có các công trình công cộng kiên cố, có thể làm nơi để tránh trú cộng đồng khi bão xảy ra; - Có 781 cột điện và 29,821 km dây điện đã được kiên cố năm 2011 (Hữu Hậu 36 cột, 2km; Thượng 103 cột, 5km; Tiền 78 cột, 3,795km; Trung 73 cột, 4km; Tây 86 cột, 0km; Hà Thiệp 189 cột, 7,026km; Trúc Ly 216 cột, 8km); - Có 8 trạm điện đã được xây dựng kiên cố (Hữu Hậu 0; Thượng 1; Tiền 1; Trung 1; Tây 1; Hà Thiệp 2; Trúc Ly 2); - Có 90% hộ dân có thiết bị nghe nhìn (Tivi, radio, điện thoại...); - Có 80% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa trước khi bão xảy ra; - Người dân đa số có kinh nghiệm, kiến thức về PCTT (95%). <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 146 hộ nuôi trâu/bò có chuồng trại an toàn (Hữu Hậu 10; Thượng 10; Tiền 11; Trung 	<p>ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiệt hại về người; - Thiệt hại về nhà cửa; - Nhà văn hóa thôn bị hư hại.

		<p>thiếu kiến thức về PCTT (5%).</p> <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 71 ha cây lâm nghiệp được trồng trong vùng chịu tác động của bão (Hữu Hậu 7ha; Thượng 11ha; Tiền 7ha; Trung 15ha; Tây 4ha; Hà Thiệp 25ha; Trúc Ly 2ha); - Thôn Trung có 142 ha rừng tự nhiên dễ bị tác động của bão; - Có 394 cơ sở buôn bán có quán bán có cơ sở bán kiên cố (Hữu Hậu 5; Thượng 30; Tiền 12; Trung 60; Tây 18; Hà Thiệp 60; Trúc Ly 209); - Có 7 cơ sở làm mộc bán kiên cố (Hà Thiệp); - Có 19 cơ sở may mặc bán kiên cố (Thượng 4; Tiền 1; Trung 3; Tây 2; Hà Thiệp 3; Trúc Ly 6); - Có 30 cơ sở xây xát bán kiên cố (Hữu Hậu 1; Thượng 2; Tiền 6; Trung 4; Tây 3; Hà Thiệp 7; Trúc Ly 7); - Có 26 hộ nuôi trâu/bò có chuồng trại chưa an toàn (Hữu Hậu 0; Thượng 1; Tiền 2; Trung 3; Tây 0; Hà Thiệp 7; Trúc Ly 13); - Các hộ chủ yếu chăn nuôi, trồng trọt theo mô hình nhỏ lẻ, tự phát nên chưa đầu tư vào kỹ thuật và công nghệ; - Có một số người dân chưa chủ động di dời gia súc gia cầm khi bão đến (30%). <p>SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau bão lượng rác lớn chưa được cơ quan đô thị huyện kịp thời chở đi gây ô nhiễm môi trường. 	<p>10; Tây 6; Hà Thiệp 18; Trúc Ly 81);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 251 hộ nuôi lợn có chuồng an toàn (Hữu Hậu 50; Thượng 20; Tiền 40; Trung 64; Tây 20; Hà Thiệp 47; Trúc Ly 10); - Có 44 cơ sở buôn bán có quán kiên cố (Trung 12; Tây 12; Hà Thiệp 20); - Có 4 cơ sở làm mộc kiên cố (Hà Thiệp); - Có 15 cơ sở may mặc kiên cố (Hữu Hậu 0; Thượng 5; Tiền 2; Trung 3; Tây 2; Hà Thiệp 2; Trúc Ly 1); - Có 3 cơ sở xây xát kiên cố (Hữu Hậu 0; Thượng 0; Tiền 0; Trung 0; Tây 1; Hà Thiệp 0; Trúc Ly 2); - Có khoảng 70% hộ dân chủ động di dời gia súc gia cầm đến nơi an toàn khi sắp bão. <p>SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở các thôn có các tổ thu gom rác, cụ thể: Hữu Hậu 01 tổ; Thượng 01 tổ; Tiền 01 tổ; Trung 01 tổ; Tây 01 tổ; Hà Thiệp 02 tổ; Trúc Ly 01 tổ; - Các ban ngành phát động cùng người dân dọn dẹp rác sau khi bão xảy ra. 	<p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa hư hại/giảm năng suất; - Hoa màu bị hư hại; - Gia súc gia cầm chết; - Thuyền, ngư lưới cụ bị hư hỏng, trôi; - Hệ thống điện bị hư hỏng; - Hàng hóa bị ướt, hư hỏng. <p>SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường.
<p>Hạn hạn</p>	<p>Nắng nóng kéo dài, kèm theo gió Lào</p>	<p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 147,5 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị hạn (Hữu Hậu 4,5ha; 	<p>ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường và các đoàn thể tuyên truyền cho trẻ em, học sinh 	

<p>hanh khô.</p>	<p>Thượng 7 ha; Tiền 11,7ha; Trung 17,6ha; Tây 12ha; Hà Thiệp 48ha; Trúc Ly 46,7ha); - Có 27,5 ha đất trồng màu ở vùng thường bị hạn (Thượng 0,5ha; Hà Thiệp 15ha; Trúc Ly 12ha);</p>	<p>không tắm sông trong mùa hè; SXKD: - Hói Trúc Ly cung cấp nước tưới cho các hộ trồng lúa và màu của các thôn Trúc Ly, Hữu Hậu, Tiền, Trung, Tây, Thượng. SKVSMT: - Có 2434 hộ dùng nước hợp vệ sinh (Hữu Hậu 81; Thượng 263; Tiền 200; Trung 286; Tây 296; Hà Thiệp 538; Trúc Ly 770); - Có 561 hộ có bể chứa nước (Thượng 111; Trung 150; Tây 300).</p>	
------------------	---	---	--

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá



